

Ý NGHĨA TU GIA HẠNH PHỔ HIỀN HT THÍCH TRÍ QUẢNG

Lời nói đầu

I. Lý do chọn 21 ngày tu gia hạnh Phổ Hiền

II. Ý nghĩa của sự khởi tu gia hạnh Phổ Hiền từ ngày thành đạo của Phật Di Đà là ngày 17 tháng 11 và kết thúc vào ngày thành đạo của Phật Thích Ca là ngày mùng 8 tháng 12

III. Kết luận

Lời nói đầu

Tại sao đạo tràng Pháp Hoa chúng ta tu gia hạnh Phổ Hiền và tu gia hạnh Phổ Hiền là gì. Các pháp môn khác có tu gia hạnh hay không.

Vào cuối mỗi năm, các Phật tử thuộc đạo tràng Pháp Hoa thành phố Hồ Chí Minh cũng như đạo tràng Pháp Hoa ở các nơi đều phải tu gia hạnh Phổ Hiền. Tu gia hạnh Phổ Hiền là các Phật tử tu tăng tốc lên, tinh tấn hơn ngày tu bình thường trong năm.

Mỗi pháp môn đều có pháp tu gia hạnh riêng. Nếu theo Tịnh độ, sẽ tu Phật thất một tuần chuyên niệm Phật, không làm gì khác. Người tu Phật thất đúng thì chuyên niệm được; nhưng có người tu đúng, mà vẫn không chuyên được, vì túc nghiệp nhiều đời, nên lòng vẫn nghĩ đến những việc khác, khiến họ muốn chuyên niệm Phật mà không được. Nếu người có nghiệp ác thì chuyên nghĩ việc ác. Vì vậy, họ nhiếp tâm niệm Phật một lúc rồi cũng nghĩ lăng xăng lộn xộn. Người này có tu, nhưng không chuyên được, nên không thấy Phật và không nhận

được sự hộ niệm của Phật. Dù họ có tu nhiều kiếp, nhưng không thấy Phật, nên không vãng sanh được. Tu Tịnh độ đòi hỏi chúng ta phải nhất tâm bất loạn, chỉ thấy Phật, không thấy gì khác, mới được vãng sanh. Đối với pháp môn này, mỗi năm tu gia hạnh, người ta chọn ngày thuận tiện nhất cho việc tu hành, ví dụ người làm nghề nông chọn ngày rỗi rảnh sau khi thu hoạch.

Tu Thiền cũng chọn ngày nhập thất để chuyên tu Thiền định hay Thiền quán, thời gian nhập thất tùy theo hoàn cảnh và sự phát nguyện của từng người khác nhau.

Riêng đạo tràng Pháp Hoa tu gia hạnh Phổ Hiền phải tu suốt 21 ngày và trong 21 ngày, chúng ta phải chuyên tu, không làm gì khác. Tuy nhiên, đa số chúng ta không làm được như vậy, vì còn nhiều việc khác ràng buộc. Cho nên, trong 21 ngày, chúng ta phải dành nhiều thì giờ nhất cho pháp môn này, nhưng không chuyên được. Còn muốn chuyên thì phải nhập thất suốt 21 ngày mới đạt được việc chuyên tu. Và trong 21 ngày, chúng ta niệm Phật, lạy Phật, tụng kinh, quán tưởng Phật, lúc nào hình ảnh Phật cũng hiện trong tâm chúng ta, hiện trước mặt chúng ta, bấy giờ nhìn đâu cũng thấy Phật.

Thầy có thời gian chuyên tu như vậy. Ban đầu để tượng Phật trước mặt mình, chọn tượng Phật mình thích nhất thì dễ tập trung tâm vào tượng hơn. Tập trung tâm được, quý Phật tử sẽ thấy chuyển biến từng giai đoạn, lần lần tượng Phật trở thành sống động hơn, đẹp hơn, nghĩa là tượng Phật đã có sức sống đối với mình. Khi chúng ta nhìn Phật, thấy Phật cũng nhìn chúng ta và Ngài mỉm cười, nên chúng ta cảm thấy an lạc. Đó là sức tập trung cao mới có được sự cảm nhận như vậy, nghĩa là từ tượng Phật hiện ra Đức Phật thật. Đức Phật bấy giờ đối với chúng ta là một người sống, không còn là pho tượng nữa. Thấy Phật cười nhìn ta

thân thương và gần gũi với ta, nghĩa là Phật hộ niệm cho ta. Không đạt được trạng thái tâm chúng này, phần nhiều có được Phật hộ niệm cũng rất mong manh. Vì chúng ta tu hành có được từng niệm tâm thanh tịnh thôi, ít khi kéo dài được sự thanh tịnh đó.

Nhìn tượng Phật đẹp, nghĩ đến Phật thật là có Phật hộ niệm, công đức chúng ta sinh ra; nhưng vì chúng ta không giữ được sự thanh tịnh lâu, mà bị cái duyên nào đó ngăn chặn lại, Phật liền biến mất. Ví dụ chúng ta vừa nghĩ đến Phật, cảm thấy an lạc; nhưng tiếng động nào đó ở bên ngoài làm cho đời sống tâm linh chúng ta bị cắt ngang, trả chúng ta trở lại thực tế cuộc sống.

Kinh Pháp Hoa nói ở đây Phật ra đời, là ra đời ở người có tâm thanh tịnh. Trì danh hiệu Phật thì Phật ra đời trong tâm chúng ta, trong cuộc sống chúng ta, ở trước mặt chúng ta. Nếu đạt được như vậy, người khác thấy ta, hay nghĩ đến ta là họ thấy Phật. Phật ra đời trong một niệm tâm ta, nhưng niệm tâm thanh tịnh này chúng ta không giữ lâu được, gọi là Phật nhập diệt. Thực tế cuộc sống cho chúng ta nhận ra ý này, người mới tu phát tâm Bồ đề, nét mặt, lời nói, cử chỉ của họ rất dễ thương; nhưng vọng nghiệp sanh khởi, họ liền đổi khác. Có nhiều người nói lúc mới đi chùa, họ thấy Thầy này, hay Phật tử kia dễ thương; nhưng sau đó thấy không còn ai dễ thương. Chúng ta tu hành phải cân nhắc, đừng để tu một lúc rồi sanh chướng, trở thành khó tánh, kỳ khôi sinh ra trong lòng mình là Phật biến mất.

Trên bước đường tu, lúc không cần ai quý mến, vì ta có Phật trong lòng và ôm giữ hình ảnh Phật, nên ta không cần người quan tâm mà họ lại quan tâm thân thiện với mình. Nhưng đến lúc ta muốn thân thiện thì họ lại khó chịu với mình, muốn tìm lời nói tốt lành với họ, họ lại không nghe, là Phật trong ta đã nhập diệt.

Thật vậy, vì Phật nhập diệt, cái muốn của mình trở thành vọng tâm, vọng trần thì nghiệp phải sanh khởi.

Vì vậy, Phật khuyên chúng ta diệt dục, nghĩa là bắt đầu tu, bỏ tất cả ham muốn để tâm chúng ta được lắng yên; vì khởi ý niệm ham muốn dù nhỏ nhất cũng không có được, muốn người nghe, họ sẽ không nghe. Nhận thức được yếu nghĩa này, Thầy thuyết pháp bằng tâm thanh tịnh; vì sống với pháp, nên tâm thanh tịnh và thuyết bằng tâm thanh tịnh, chứ không nghĩ phải nói như thế nào cho người nghe. Tìm cách nói cho người nghe theo là quả báo xấu đến liền.

Phật dạy trong kinh Pháp Hoa rằng người thực tu một lòng muốn thấy Phật, thì họ không nghĩ tới cuộc sống, thậm chí không quan tâm đến sinh mạng này, sống chết không còn quan trọng đối với họ; nhưng điều quan trọng là phải thấy Phật, tới được với Phật. Hạ quyết tâm như vậy, Phật sẽ xuất hiện cùng hàng Thánh chúng. Tu gia hạnh là phải như thế, nhưng nếu chúng ta chưa nhiếp tâm mà còn loạn tâm, thì Phật không xuất hiện được. Quý Phật tử tu hành muốn thấy Phật, cần phải ghi nhớ điều này.

Hơn 30 năm trước, vì đất nước mới thống nhất, nhiều việc xảy ra mà không ai lường trước được sống chết như thế nào. Đối trước hoàn cảnh khắc nghiệt đó, Thầy chuyên tu gia hạnh Phổ Hiền, thường nhập thất, ít tiếp xúc với mọi người, nên dễ thấy Phật hơn. Thầy xuống phòng phát hành kinh sách, thấy tượng Phật nhìn mình như người sống và Phật mỉm cười với Thầy. Thầy liền thỉnh tượng Phật đó về phòng, thắp hương, lạy Phật. Trong mùa gia hạnh đó, Thầy nhận thấy có nhiều điều kỳ diệu xảy ra.

Điều kỳ diệu thứ nhất là mỗi ngày lạy Hồng danh Pháp Hoa, thấy hảo tướng của pho tượng hiện ra rõ rệt, mà ai vào phòng cũng nhận thấy tượng đẹp hẳn ra. Điều kỳ diệu thứ hai là sức sống trong phòng Thầy dường như có chư Thiên, chư Thần hiện hữu; cho nên trong đêm khuya thanh vắng mà Thầy nghe âm thanh lạ. Thầy liên tưởng đến kinh Di Đà nói rằng thường nghe nhạc Trời từ trên hư không cùng với hoa Trời ngày đêm rơi xuống. Đêm khuya không có âm thanh mà nghe được âm thanh. Ý này Thiền sư Nhật diễn tả là tiếng vỗ của một bàn tay. Trong cảnh thanh vắng mà nghe nhạc Trời và thấy hoa Trời; đó là nghe và thấy bằng tâm thanh tịnh, không thấy nghe bằng mắt tai bình thường, cho nên chỉ một mình Thầy nghe và thấy như vậy. 50 năm trước, Hòa thượng Thiện Hoa dạy ý này là lục căn hỗ dụng, nghĩa là không nghe bằng tai mà nghe bằng mắt, không thấy bằng mắt nhưng thấy bằng thân.

Những điều mầu nhiệm trong đạo phải thực tập hết lòng mới cảm nhận được; còn tu bình thường không thể có. Như trong kệ Phổ Hiền hạnh nguyện, Phật dạy trong một lỗ chân lông có ba đời chư Phật hiện hữu, thì đương nhiên người tu thanh tịnh mới đạt được sự thấy biết này. Trong cực vi đầu sợi lông có ba đời chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, mỗi Phật lại có vô số Bồ tát vây quanh thuyết pháp; như vậy toàn Pháp giới đều biến thành Phật pháp. Trên tinh thần này, kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta nhìn đâu cũng thấy Phật là khi tâm chúng ta hoàn toàn thanh tịnh rồi đi vào thế giới Phật, thì tất cả đều thanh tịnh, đều là Phật.

Chúng ta không đạt được trình độ này, vì chúng ta gia hạnh chưa đúng; cho nên chúng ta đang ở giai đoạn tập sự thôi. Tuy mới tu gia hạnh lần đầu chưa đạt được gì, nhưng gia hạnh lần thứ hai, lần thứ ba, chúng ta phải thăng tiến trên đường đạo; còn đứng tại chỗ là thoái lui. Hòa thượng Trí Tịnh hay tu gia hạnh,

Ngài nói rằng "Một câu, một kệ tăng tiến đạo Bồ đề. Một sắc, một hương đều không thoái chuyển", nghĩa là phải đi tới; đứng lại sẽ tụt hậu, tu khó lắm. Thầy có cảm giác, nếu tiến tu thì cùng đi được với Phật, với Bồ tát, với bạn đồng hạnh; nhưng mình đứng lại sẽ cảm thấy bị lạc lõng bơ vơ. Nếu đi không được là thoái chuyển, hay bị đọa, phải chờ cơ hội khác, không phải thời nào cũng tu được.

Chúng ta bắt được cơ hội để thâm nhập vô tướng đạo tràng, mà không biết giữ gìn, để rớt lại, sau chúng ta có tu cũng chỉ là tu hình thức. Thực tế cho thấy trong đạo tràng có nhiều người đi chùa, tu hành, nhưng tâm tu không còn là nghĩa này.

I. Lý do chọn 21 ngày tu gia hạnh Phổ Hiền

Thầy chọn 21 ngày tu gia hạnh Phổ Hiền, vì căn cứ vào phẩm Phổ Hiền Bồ tát Khuyến Phát thứ 28, Ngài Phổ Hiền đã nói rõ rằng người muốn tu tập kinh Pháp Hoa trong suốt 21 ngày phải tu rất tích cực, quán tưởng Phổ Hiền, sẽ thấy Ngài xuất hiện. Như vậy, điều quan trọng là tu gia hạnh Phổ Hiền thì phải thấy Phổ Hiền xuất hiện. Đa số chúng ta tu, vì kẹt thế tục nhiều quá, nên không vào thế giới Phật được. Chúng ta cứ lo Phật sự, làm việc và bị công việc bao vây mình, từ đó phiền não phát sinh, nhất là người làm được nhiều việc rất dễ bị việc ràng buộc, độ nhiều đồ chúng thì bị đồ chúng làm phiền. Nếu làm nhiều mà không để tâm thì làm sao được; phải lo điều động công việc thì đó là vọng tâm rồi và tự thế tục hóa mình, rơi vào phải trái hơn thua, không còn tốt nữa. Các chúng trưởng của đạo tràng Pháp Hoa phải nhớ rằng khôn dại của trần gian không làm được gì cả. Thầy có cảm giác không ai khôn hơn ai; nhưng biết tu cho thành đức, người sẽ cảm đức, cảm hạnh mà tới với chúng ta.

Thầy làm nhiều việc, nhưng tu là tu; vì biết rời tâm thanh tịnh sẽ mất tất cả. Đối với Thầy, cái gì làm Thầy rời tâm thanh tịnh, Thầy bỏ liền. Thầy sẵn sàng bỏ tất cả việc, bỏ tất cả chức danh để giữ tâm, thì việc sẽ thành tựu. Còn bỏ tâm thì việc hư, mà chức danh cũng mất.

Phải quyết tâm tu, một lòng muốn thấy Phật, không tiếc thân mạng, Phật mới hiện ra và xoa đầu thọ ký mình. Còn chưa được như vậy, coi chừng việc của ta là trần thế, tội lỗi, phiền não, nhiễm ô. Và càng đi sâu vào con đường này, Phật và Bồ tát càng rời xa ta.

Đức Phật Thích Ca và Bồ tát Phổ Hiền đã dạy chúng ta tu tích cực trong suốt ba tuần, nghĩ về hạnh đức của Phổ Hiền thì Ngài xuất hiện. Các Phật tử nên chọn tượng Phổ Hiền đẹp đặt trước mặt để chúng ta quán tưởng, lần lần, chúng ta sẽ cảm được, thì tượng Phổ Hiền trước mặt chúng ta sáng ra và Phổ Hiền trong tâm chúng ta cũng sáng, hai điều này tương ứng với nhau thành một. Vì vậy, bước đầu là tượng, nhưng sau đó biến thành Phổ Hiền thật. Và từ thấy Phổ Hiền xuất hiện trước mặt và trong tâm, tâm chúng ta liền biến thành Phổ Hiền, mới nương được lực Phổ Hiền. Đức Phật dạy rằng làm được như vậy là đầy đủ mười hạnh Phổ Hiền, tức đầy đủ trong tâm chúng ta trước rồi mới đủ ngoài thân ta; cho nên, người thấy chúng ta là Phổ Hiền. Bây giờ, chúng ta ngồi trên bạch tượng sáu ngà tiêu biểu cho sạch nghiệp, thì cuộc đời này đối với chúng ta nhẹ nhàng đến rồi đi, không có gì lưu luyến. Tâm chúng ta sẽ bay bổng lên cung Trời Đâu Suất cách chúng ta rất xa; nhưng gắn liền bằng tâm thì xa mấy cũng trở thành gần. Ngày nay có thể dùng khái niệm viễn thông để chứng minh điều này. Thật xa như hình ảnh mặt trăng, nhưng đưa về trái đất chỉ trong một giây. Tâm chúng ta còn linh hoạt hơn thế rất nhiều. Ngày xưa người ta còn nghĩ rằng Tề Thiên

nhảy một bước là tới Tây phương; vì Tể Thiên là Tôn Ngộ Không, tức tâm không vướng bận mới đến được Tây phương trong chớp mắt. Nếu tâm chúng ta không vướng bận thì nhảy một cái cũng lên cung Trời Đâu Suất, diện kiến Đức Di Lặc. Đâu Suất là thế giới Thiên định, nên tâm chúng ta đi sâu vào Thiên định, mới thấy được Di Lặc, nghe Di Lặc thuyết pháp.

Từ thế giới hiện thực đến thế giới tâm thức, học được với Phật và Bồ tát, rồi trở lại hiện thực cuộc sống, chúng ta mới có những điều hơn người khác. Bây giờ, những gì mà người đời không biết, tức họ không biết thế giới siêu hình và thế giới tâm thức; nhưng chúng ta thâm nhập được các thế giới này, cho nên ta biết được mọi việc quá khứ và vị lai, còn họ chỉ biết hiện tại. Và chúng ta được làm quyến thuộc của Di Lặc, quyến thuộc của Bồ tát; vì chúng ta thường sống với các Ngài, nghe các Ngài nói pháp. Từ đó cuộc đời này diễn tiến trong tương lai như thế nào, chúng ta cũng sống nhịp nhàng tương ứng theo như vậy, không phạm sai lầm.

II. Ý nghĩa của sự khởi tu gia hạnh Phổ Hiền từ ngày thành đạo của Phật Di Đà là ngày 17 tháng 11 và kết thúc vào ngày thành đạo của Phật Thích Ca là ngày mùng 8 tháng 12

Đạo tràng Pháp Hoa khởi tu gia hạnh Phổ Hiền từ ngày 17 tháng 11 âm lịch và kết thúc ngày mùng 8 tháng 12 âm lịch; vì Đức Phật Thích Ca bắt đầu vào Thiên định cũng đúng ngày Đức Phật Di Đà thành đạo. Và Phật Thích Ca an trụ trong Thiên định suốt ba tuần, đến ngày mùng 8 tháng 12, Ngài đắc đạo.

Tu gia hạnh Phổ Hiền là gạch nối giữa thế giới thanh tịnh và thế giới không thanh tịnh. Thế giới Phật Di Đà thanh tịnh, còn thế giới Ta bà của Phật Thích Ca loạn động. Khi khởi tu, ai cũng cần hoàn cảnh thanh tịnh, nên cần nhập thất là tìm cảnh thanh tịnh để gá tâm vô, giúp cho mình dễ dàng được thanh tịnh. Thật vậy, nhờ đóng kín sáu giác quan, chúng ta tu thanh tịnh được; còn ở cảnh loạn động của Ta bà không có thanh tịnh. Tìm cái đẹp ở Ta bà rất mong manh, bất chợt thấy vui, nhưng niềm vui này không giữ được lâu.

Vì vậy, khởi tu gia hạnh Phổ Hiền, chúng ta phải đặt tâm ở thế giới thanh tịnh bằng cách mượn hạnh Phổ Hiền để dẫn chúng ta vào thế giới thanh tịnh; vì không có Phổ Hiền dẫn, chúng ta không vào được thế giới này. Phổ Hiền dắt chúng ta vào thế giới thanh tịnh, nghĩa là chúng ta nương theo hạnh Phổ Hiền vào thế giới thanh tịnh để thấy được cái đẹp là tướng chân thật của các pháp không sanh tử.

Ngài Phổ Hiền dạy rằng do tu mười hạnh Phổ Hiền mà vào thế giới thanh tịnh rồi thì bấy giờ, chúng ta đi khắp mười phương không chướng ngại; vì đi bằng tánh thanh tịnh, không phải đi bằng nghiệp. Đi bằng nghiệp thì đi đâu cũng khổ. Đi bằng nghiệp mà Phật nhắc là do nghiệp thọ sanh. Nghiệp ở ngay trong tâm mình, nên mang cái nghiệp này đi đâu cũng khổ. Hiện thân trên cuộc đời thì cuộc đời này là khổ; nhưng trong giấc chiêm bao cũng gặp khổ. Phật nói đó là từ nghiệp thức dẫn chúng ta sanh lại cuộc đời và từ nghiệp này, chúng ta tạo thêm ác nghiệp nữa, tức là tăng trưởng việc ác. Chúng ta làm ác thì chứa trong tâm thức cái ác này, nên ngủ mơ thấy ác và khi chết, đi thọ sanh cũng mang nghiệp thức này đi, sẽ khổ hơn nữa.

Quan trọng là phải xóa cho được nghiệp thức, nhưng nghiệp thức này là vọng nghiệp, không phải thật. Chúng ta tạo nên vọng nghiệp là ảo giác, giống như chiêm bao hay hoa đốm trong hư không, cảnh này không thật. Kinh Pháp Hoa nói trong tam giới không có sanh tử khổ đau buồn phiền; nhưng nghiệp này sinh ra là do tham, sân, si. Trong ba thứ độc hại này, chúng ta đoạn cái nào trước. Nếu đoạn trừ lòng tham trước, không còn bực tức, thì trí huệ sinh ra, là đi theo con đường thuận của giới, định, huệ.

Tuy nhiên, trong ba thứ độc hại này, si mê là chính. Không si mê thì không có cảnh tượng khổ, giống như nằm mơ thấy khổ, đến khi tỉnh thức thì khổ này mất. Thuở nhỏ, Thầy rất sợ chạy giặc, nên tâm sợ hãi này nhiều, thì trong giấc mơ thường thấy cảnh đánh nhau, thấy mình bị chết; nhưng tỉnh dậy, thấy còn sống, mừng quá.

Tam giới này không thật, chỉ là giấc mộng, hay cuộc đời này là giấc mộng. Chúng ta có giấc mộng con là ngủ mơ chúng ta thấy, thức dậy thì mất và giấc mộng dài là cả cuộc đời của chúng ta. Chúng ta sinh trên cuộc đời này là bắt đầu giấc mộng dài và chết là chấm dứt giấc mộng dài. Nhưng Phật nói chúng ta chết rồi, lại đi vào cõi mộng khác, từ cõi mộng này sang cõi mộng khác, hay nói đúng hơn, từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay, chúng ta đi lang thang trong các cõi mộng sanh tử. Chỉ khi nào thành đạo như Phật, mới chấm dứt giấc mộng dài, mà Phật diễn tả là nhận ra người chủ xây dựng ngôi nhà tứ đại ngũ uẩn này.

Chỉ có thành đạo, trí tuệ sinh ra, mới chấm dứt sanh tử và sống tự tại giải thoát hoàn toàn. Thật vậy, trí tuệ này làm chúng ta thấy được tất cả các kiếp quá khứ, tất cả các hiện tượng mười phương và biết rõ cả những việc tương lai.

Ba đời hiện tại, quá khứ, vị lai đều thu lại trong một niệm tâm có trí tuệ và dùng trí tuệ này đi được khắp mười phương một cách tự tại.

Cuộc sống của con người có hai phần là sanh tử và không sanh tử. Đức Phật vì tâm đại từ bi mà Ngài vào thế giới sanh tử để cứu độ muôn loài và Bồ tát vào đời mượn cảnh huyễn để độ người trong mộng. Vì vậy, đi vào cuộc đời, các Ngài đóng đủ thứ vai trong các ngành nghề, kể cả đóng vai ăn mày hay đóng vai tội lỗi, nhưng Bồ tát có phải là người ăn mày thật hay là người tội lỗi thật hay không. Chúng ta phải nhìn vào con người thật mới phát hiện được tư chất Bồ tát. Ví dụ Đức Phật độ Vô Não đặc quả A la hán dễ dàng quá, để những người làm ác nhìn vào tấm gương đó mà dừng lại tội lỗi của họ. Còn con người thật của Vô Não là thánh thiện, con người ác là giả; nói cách khác, mượn vở kịch đóng vai ác để người khác trông thấy tu sửa mà thôi. Ví dụ có nghệ sĩ đóng vai ác trên sân khấu, ai thấy cũng ghét; nhưng người ác này đâu phải thật là họ. Chúng ta coi truyện Tây Du Ký thấy ghét Trư Bát Giới, nhưng đâu phải ông này thật là vậy. Người đóng vai trên sân khấu khác với người mang nghiệp thật.

Bồ tát thường mượn cảnh giả để độ người mê khiến họ phát tâm Bồ đề. Vì vậy, khi có Phật xuất hiện trên cuộc đời, chư Bồ tát cũng theo Phật để trợ hóa cho Ngài làm đạo; đó là cái thấy theo tinh thần Đại thừa.

Như Thầy đã nói, tu gia hạnh phải tìm tượng Phật mình thích nhất, có cảm giác như Phật nhìn và mỉm cười với mình là bước đầu để tạo độ cảm với Phật. Chúng ta thờ Phật, lạy Phật là gia hạnh đầu tiên, nhưng nếu thấy người lạy Phật, chúng ta cũng bắt chước lạy thì điều này hoàn toàn khác với cảm được Phật mà lạy. Cảm được Phật thì nghĩ là có Phật thật trước mặt để lạy. Trí Giả đại sư nói người lạy Phật để kết duyên khác với người có căn lành lạy Phật.

Người có căn lành nhìn Phật, nghĩ đến Phật, nên lạy Phật rất dễ thương. Người bắt chước lạy là mới kết duyên với Phật thôi, nên chưa có kết quả được. Còn người tu có kết quả là người đã có căn lành, do độ cảm tâm sâu sắc với Phật. Tệ hơn nữa là người tu mà trong lòng mong cho thời khóa mau chấm dứt, không muốn lạy Phật nữa. Người căn lành nhỏ thì kết quả ít, người có căn lành lớn gặt hái được kết quả lớn, tùy theo tâm mà có độ cảm khác nhau, tạo thành kết quả khác nhau.

Người thờ Phật và kính trọng Phật, lau dọn bàn thờ Phật sạch sẽ và trang nghiêm bông trái đẹp, khiến người nhìn thấy phải phát tâm tu. Không phải thờ Phật để người khác cúng trái cây mình hưởng lộc Phật. Từ tâm kính trọng Phật và coi như có Phật ngự ở đây, nên chúng ta quý trọng cái gì nhất, chúng ta đem dâng cúng Phật và trang trí bàn Phật đẹp. Thờ Phật để tạo độ cảm cho mình tiến tu; thờ Phật lấy lệ là không được. Lọ hoa phải thay nước và cắt gốc mỗi ngày, bỏ lá úa, để chúng ta nhìn cảm được, mới tạo được sự gắn liền giữa Phật với ta.

Tuy bàn thờ Phật là cảnh giả, nhưng nương theo cái giả này để dẫn chúng ta vào thế giới thanh tịnh, giống như chúng ta dùng Tivi để xem những cảnh họ dựng trên đài truyền hình. Trên bước đường tu, mượn những phương tiện như tượng Phật, chùa tháp, thuyết pháp để dẫn chúng ta vào thế giới Phật. Nhưng nếu chấp vào cảnh giả này, sẽ ở lại đây muôn đời.

Ngài Phổ Hiền nói trong một niệm tâm mà thấy được tất cả ba đời mười phương Phật và trong pháp hội của chư Phật mười phương cũng có hóa thân của chúng ta ở trong đó. "Ta" vừa nghe Phật Di Đà nói pháp mà cũng nghe được Phật Đa Bảo. "Ta" này là "Ta phân thân" đi mười phương, giống như Tề Thiên có một sợi lông của Bồ tát Quan Âm cho, nhưng từ sợi lông này mà phun ra một cái

thì có vô số Tề Thiên. Cũng vậy, có bao nhiêu Đức Phật, chúng ta có bấy nhiêu hóa thân của mình tương ưng để thâm nhập nghe pháp.

Thật vậy, tu Pháp Hoa, chúng ta thâm nhập được tất cả thế giới Phật, không bị kẹt vào cục bộ ở một chỗ nào. Ở đâu có Phật, chúng ta hiện hữu ở đó. "Ở đâu có Phật", hay ở trong kinh có Phật, chúng ta liền có hóa thân đến đó.

1. TU GIA HẠNH TUẦN THỨ NHẤT: LẠY SÁM HỐI HỒNG DANH PHÁP HOA VÀ TỤNG PHỔ HIỀN HẠNH NGUYỆN KỆ.

Lạy sám hối và tụng Phổ Hiền hạnh nguyện kệ, nhưng phải thực tập pháp quán hạnh nguyện Phổ Hiền là việc chính, không phải chỉ tụng kinh suông. Tụng kinh để quán tưởng bằng tâm, nghe bằng tâm. Bước đầu tu hành phải tụng kinh và lạy Phật, nhưng phải vận dụng tâm thì mới nương được lực Phổ Hiền. Thấy thế giới Phật cũng vậy, lúc đầu, nghe văn kinh diễn tả Phật và hành trạng của Bồ tát. Sau đó, nương theo văn kinh để chúng ta hình dung ra Phật thật là bước thứ hai. Người khéo vận dụng tâm mới đạt được điều này. Vì vậy, khởi tu gia hạnh phải đặt tâm ở thế giới thanh tịnh bằng cách mượn lực Phổ Hiền để dẫn chúng ta vào thế giới thanh tịnh; vì không có Bồ tát Phổ Hiền dẫn dắt, không vào được thế giới này.

Làm sao mượn được lực Phổ Hiền? Chúng ta phải tập tu đồng hạnh đồng nguyện với Phổ Hiền Bồ tát, nghĩa là đi chung một đường với Phổ Hiền thì mới gặp được Ngài. Phổ Hiền cho biết Ngài đi theo lộ trình gọi là mười đại hạnh. Vì vậy, chúng ta khởi tu mười hạnh này để đi lần vào Thiên định, gặp được Phổ Hiền Bồ tát. Tìm hiểu mười đại hạnh Phổ Hiền để tu là tu gia hạnh Phổ Hiền. Mười hạnh Phổ Hiền là mười đại nguyện mà Bồ tát Phổ Hiền đã thành tựu viên

mãn, chúng ta thường đọc tụng trong thời kinh mỗi ngày: Nhứt giả lễ kính chư Phật, nhị giả xưng tán Như Lai, tam giả quảng tu cúng dường, tứ giả sám hối nghiệp chướng, ngũ giả tùy hỷ công đức, lục giả thỉnh chuyển pháp luân, thất giả thỉnh Phật trụ thế, bát giả thường tùy Phật học, cửu giả hằng thuận chúng sanh, thập giả phổ giai hồi hướng. Trong bài này, Thầy chỉ triển khai một ít ý nghĩa đại hạnh đầu tiên của Phổ Hiền là "Nhứt giả lễ kính chư Phật".

Để lễ kính Phật, phải tìm tượng Phật mình thích nhất để tạo độ cảm với Phật. Chúng ta thờ Phật, lạy Phật là tu gia hạnh đầu tiên. Cảm được Phật, nên tin rằng có Phật thật trước mặt để lạy. Tuy bàn thờ Phật là cảnh giả, nhưng nương theo cái giả này để dẫn chúng ta vào thế giới thanh tịnh; còn chấp vào cảnh giả này thì sẽ ở trong sanh tử muôn đời.

Bước đầu, đối trước tượng Phật, chúng ta chỉ có một Phật, nhưng quan trọng là tụng kinh nào thì hành trạng của Phật và Bồ tát trong kinh đó hiện hữu đầy đủ. Và tất cả Phật và Bồ tát chúng ta thấy được trong kinh đều đưa vào tâm mình. Trên bước đường tu, Thầy nhớ kinh nhiều là do tu pháp này. Còn tu không đạt được kết quả tốt đẹp, vì chỉ lưu giữ việc vui buồn vinh nhục của thế gian. Những vui buồn này hiện lên trong biển Thức trước, do chúng ta huân tập vào và việc thực tế sẽ theo đó hiện lên sau. Cũng vậy, chúng ta đọc kinh, thì Phật và Bồ tát lưu lại trong lòng mình, nên biển Thức của mình hiện ra Bồ tát và Phật trước. Vì vậy, tuy có một Phật, nhưng nhờ đọc kinh nhiều, nên Phật hiện ra nhiều. Ý nghĩa này được Ngài Phổ Hiền diễn tả rằng "Trong một trần có trần số cõi. Trong mỗi cõi có nan tư Phật. Mỗi Phật đều ở giữa chúng hội. Tôi thấy hằng giăng hạnh Bồ đề".

Nhờ tụng kinh nhiều, công hạnh và cảnh giới của Phật, của Bồ tát được đem vào lòng mình; do đó, hạnh đức và cảnh giới của Phật, của Bồ tát dễ dàng hiện lên trong tâm khi chúng ta khởi nghĩ đến các Ngài. Tâm không có hình tướng và chúng ta không thấy, nhưng nó chứa đựng được đủ kiện nhiều vô lượng vô biên. Chúng ta có một tâm thôi, chúng ta cũng không biết được tâm, nhưng tâm có khả năng biết tất cả. Vì vậy, Bồ tát Phổ Hiền đã khẳng định rằng trong một niệm tâm có đủ ba đời mười phương chư Phật.

2. TU GIA HẠNH TUẦN THỨ HAI: LỄ HỒNG DANH PHÁP HOA VÀ TỤNG 7 PHẨM BỐN MÔN PHÁP HOA.

Trước nhất, Bốn môn Pháp Hoa nghĩa là cốt lõi, hay yếu chỉ của kinh Pháp Hoa. Cốt lõi của kinh này, Phật muốn chỉ cho chúng ta thấy Phật không Niết bàn, Ngài vẫn hiện hữu. Phật và chúng ta vẫn ở chung trong một thế giới, nhưng chúng ta cách Phật, vì phiền não, nghiệp chướng và trần lao. Theo Ngài Nhật Liên Thánh nhân, cốt lõi của kinh Pháp Hoa 28 phẩm hàm chứa đầy đủ trong năm chữ Diệu Pháp Liên Hoa kinh; cho nên Ngài dạy rằng chỉ đọc năm chữ này là thế giới Phật tự nhiên hiện ra. Đối với Tổ Huệ Đăng, cốt lõi của kinh Pháp Hoa ở quyển thứ bảy của kinh. Ngài dạy chúng ta chỉ đọc quyển thứ bảy của kinh Pháp Hoa là đủ, không cần đọc cả 28 phẩm.

Riêng đối với Thầy, 7 phẩm Bốn môn Pháp Hoa là cốt lõi của kinh Pháp Hoa. 7 phẩm Bốn môn Pháp Hoa gồm có phẩm Tựa thứ nhất, phẩm Pháp Sư thứ 10, phẩm Tùng địa dũng xuất thứ 15, phẩm Như Lai thọ lượng thứ 16, phẩm Phân biệt công đức thứ 17, phẩm Phổ môn thứ 25 và phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát thứ 28. 7 phẩm này có ý nghĩa rất quan trọng đối với hành giả tu Bốn môn Pháp Hoa, vì đó là cốt lõi của bộ kinh Pháp Hoa 28 phẩm.

Vì Bốn môn Pháp Hoa là cốt lõi của kinh Pháp Hoa, cho nên tu Bốn môn phải thực hiện cho được ý nghĩa của Bốn môn, tức tìm cho được cái gốc và hình thức bên ngoài phải chứa được nghĩa lý sâu sắc bên trong, cũng như nhìn tượng Phật phải hình dung được Phật thật. Kinh Pháp Hoa còn được gọi là kinh Hoa Sen. Ngài Trí Giả ví Phật như hoa sen. Hoa sen có hoa bên ngoài và gương sen bên trong. Hoa bên ngoài tiêu biểu cho Phật hình thức bên ngoài, còn gương sen tiêu biểu cho Phật thật bên trong. Những gì bên ngoài thấy được gọi là Tích môn và những gì không thấy được gọi là Bốn môn. Chúng ta tu là tìm cái không thấy, vì Phật thành đạo ở Bồ đề đạo tràng, Ngài không nói được những gì Ngài chứng đắc, nên những gì Phật nói chỉ là phương tiện bên ngoài mà thôi. Vì vậy, nếu tu hành mà chấp hình thức bên ngoài, sẽ không phát huy được cốt lõi bên trong.

Tu Bốn môn, chúng ta tìm Đức Phật bên trong của thái tử Sĩ Đạt ta, tìm Đức Phật bên trong của Sa môn Cổ Đàm, tìm Đức Phật bên trong của Phật Thích Ca đi truyền bá chánh pháp trong suốt 49 năm. Phật bên trong là gì?

Lúc Phật sanh ra làm thái tử, đã có Phật bên trong Ngài rồi; nhưng vì thân còn nhỏ nên chưa thuyết pháp được. Tiên A Tư Đà thấy thái tử liền bật khóc, vì ông không còn sống trên cuộc đời khi Đức Phật bên trong thái tử hiện ra. Vì vậy, ông nói với người cháu là Ca Chiên Diên lớn lên sẽ thấy được Phật và nghe được pháp Phật. Khi Phật xuất gia làm Sa môn cũng có ông Phật bên trong, nên người ta thấy Ngài đi khát thực phải sanh tâm kính nể. Thật vậy, lúc Phật còn là Sa môn, mà vua Tần Bà Sa La đã nghe lời Ngài dạy không giết bò dê để cúng tế thần linh và thuarằng khi nào Ngài đắc đạo nhớ trở lại độ ông; đó là vì nhà vua đã cảm nhận được Đức Phật bên trong Ngài.

Chúng ta tìm đạo là tìm cốt lõi bên trong. Phật thành Phật cũng con người đó, hình thức không thay đổi, nhưng cốt lõi bên trong là Phật đã hiện ra, nên có sức tác động rất lớn. Điển hình là năm anh em Kiều Trần Như nghĩ rằng Sa môn Cổ Đàm không tu khổ hạnh nổi, nên đã lánh xa Ngài, xuống Lộc Uyển tu. Khi Phật đắc đạo, thành Phật rồi, Ngài đến độ họ. Từ xa trông thấy Phật, họ bàn với nhau sẽ không tiếp Phật, nhưng vì đạo lực của Phật quá mạnh đã tác động thẳng vào tâm các ông; nói cách khác, bấy giờ bốn Phật là bốn tâm của Phật thuyết pháp, đi thẳng vào lòng của năm vị này, khiến họ phải sanh tâm kính trọng và đảnh lễ Phật. Năm anh em Kiều Trần Như thấy được Phật là Phật thật, vì các ông là người có căn lành lớn đã gieo trồng ở Phật từ kiếp quá khứ, nên ở hiện đời, mới nhận thấy được Phật bất sanh bất diệt và từ Phật gốc này mới truyền lực sang tâm các ông. Người không có căn lành chỉ tu hình thức bề ngoài, không thể nhận chân được Phật thật.

Khi Phật đến thôn Ưu Lầu Tần Loa để độ ông Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp. Ông này là quốc sư được 500 đồ chúng kính trọng như Thánh, nhưng tâm ông còn nhiều ganh tỵ, lợi danh, nên nghĩ Phật muốn tranh giành ảnh hưởng với ông. Ông sanh tâm ác muốn giết Phật, mới xếp đặt cho Phật vào tu trong hang để răn hổ mang cắn chết. Phật vẫn thanh thản vì Ngài đã là Phật rồi. Ngài vào đó nhập định, trải rộng tình thương đến muôn loài và tâm đại từ bi của Phật đã khiến đàn rắn tự động nằm phủ phục chung quanh Ngài, mà không hề hại Ngài. Sáng hôm sau, ông Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp và đồ chúng thấy cảnh tượng kỳ lạ như vậy, phải kinh sợ và kính nể Phật, quỳ lạy xin làm đệ tử Phật, vì ông đã nhận ra được Đức Phật bên trong của Phật Thích Ca, hay thấy được Bốn Phật.

Thời Phật tại thế, nhờ thấy Phật bên ngoài là Phật Thích Ca, người ta cảm nhận được Phật bên trong dễ hơn chúng ta ngày nay không có Phật, nhưng phải nhận được Phật bên trong. Ngài Nhật Liên Thánh nhân cảm được Phật thành Phật từ lâu xa trong kinh Pháp Hoa và Ngài nhập định thấy được Phật đó. Như vậy, đòi hỏi phải nhập định để tâm tập trung cao độ, hoàn toàn thanh tịnh sẽ có được sức mạnh và độ nhanh để đi ngược thời gian, thì cái nhìn của Ngài Nhật Liên mới xuyên suốt ngược về quá khứ 1500 năm trước, mới thấy được pháp hội Phật Thích Ca đang thuyết pháp và Thánh chúng vẫn còn hiện hữu và đi xa hơn nữa, Ngài Nhật Liên tìm được Bốn Phật.

Riêng chúng ta ngày nay sống cách Phật xa hơn 25 thế kỷ, nhưng chúng ta nương vào Phật Thích Ca xuất hiện ở thế gian này để chúng ta tìm về Phật thật, tức nương hình thức bên ngoài để tìm Phật bên trong, nương giáo lý để thực hành cốt tủy Phật dạy. Tìm được Phật thật và thực hành đúng yếu lý thì mới có kết quả tốt đẹp. Ngài Trí Giả dạy rằng có cốt lõi bên trong là Phật, mới hiện ra tướng Phật thật bên ngoài; nếu cốt lõi bên trong không có thì không thể hiện được thân tướng Phật bên ngoài. Ví như người giàu thật, vốn bên trong của họ rất lớn, tức là nguồn cội phúc bên trong lớn, còn tài sản bên ngoài do phúc bên trong mới có được.

Theo Bốn môn Pháp Hoa, Phật không nhập diệt. Phật vẫn ở chung với chúng ta trong một thế giới, nhưng chúng ta cách Phật, vì phiền não, nghiệp chướng và trần lao. Nghiệp chướng nặng, chắc chắn không thể thấy Phật. Trần lao, tức khổ sở quá thì không thể nghĩ đến Phật và bị buồn phiền trôi buộc khiến tâm chúng ta u tối, lúc đó dù có ở chung với Phật cũng không thấy Phật.

Người có căn lành sẽ thấy Phật bằng niềm tin, không thấy bằng mắt. Thật sự thấy Phật bằng mắt thì không ai thấy, nhưng thấy bằng niềm tin thì có người thấy, có người không thấy. Có niềm tin, chúng ta thấy Phật qua hình tượng Phật trên chùa mà nghĩ là Phật, nên kính trọng, lễ bái, cầu nguyện. Người Hồi giáo cực đoan như Taliban chẳng những không thấy Phật mà còn thấy tượng Phật đáng ghét, nên họ đã phá hủy tượng Phật rất lớn và cổ xưa.

Tuy nhiên, để cái thấy bằng niềm tin không bị rơi vào mê tín, hay cuồng tín, Đức Phật bảo chúng ta phải có chánh tín, tức là niềm tin của chúng ta căn cứ vào lời Phật dạy và lý giải được thì mới tin.

Như đã nói, Phật và chúng ta cách xa, vì phiền não, nghiệp chướng, trần lao. Thầy có cảm giác ví như một dòng điện truyền đến các thiết bị dễ dàng, nhưng nếu bị miếng cao su ngăn cách, điện sẽ không thể truyền tới được. Cũng vậy, Phật lực truyền cho ta được với điều kiện ta phải cắt bỏ ba thứ làm ngăn cách là phiền não, nghiệp chướng và trần lao, gọi là nhận được Phật hộ niệm.

Trên bước đường tu, cần lưu ý rằng chúng ta không thấy Phật và Phật cũng không truyền được gia trì lực đến ta. Vì vậy, chúng ta phải qua vô tướng giới đàn, tức là nhờ nghi lễ tụng niệm, lễ bái, nhờ tượng Phật, nhờ kinh điển và nương vào Thánh Tăng tiêu biểu cho Thầy tu có tâm thanh tịnh, để thấy được Phật.

Thực tế cho thấy khi gặp được vị cao Tăng mà chúng ta kính trọng, sự thanh tịnh của vị này sẽ truyền cho ta liền. Tâm an lạc của vị chân tu có được là do Phật truyền, vì vị này tu hành đã cắt bỏ được phiền não, trần lao, nghiệp

chương, cho nên tâm thanh tịnh của Ngài đã nhận được từ Phật rồi và truyền sang cho ta, gọi là nhứt thời thanh tịnh.

Thiền có đặc sắc là truyền tâm ấn, hay truyền pháp, khởi đầu từ Tổ sư Đạt Ma truyền cho Ngài Huệ Khả. Tổ Đạt Ma 9 năm ngồi quay mặt vô vách, Thiền gọi là phản quang tự kỷ, tâm Ngài lắng yên và được Phật lực gia bị đã khiến cho Ngài Huệ Khả trông thấy Tổ cũng được thanh tịnh theo.

Tu Tịnh độ cũng đòi hỏi hành giả tâm trí lắng yên như vào Thiền định, mới được Phật Di Đà và Thánh chúng phóng quang tiếp độ vãng sanh. Như vậy, mặc dù tu phương tiện khác nhau, nhưng tất cả pháp môn tu đều phải đạt được chân thật. Người xưa diễn tả ý này là cọ cây để lấy lửa. Cọ suốt đời mà không có lửa, cũng như tu suốt đời mà không đạt được kết quả tốt đẹp, vì không nắm được yếu chỉ. Vì vậy, tất cả pháp môn tu đều đòi hỏi chúng ta phải nắm được yếu chỉ để thực tập.

Tổ Đạt Ma tiếp nhận được Phật lực, nên Ngài ngồi yên trong tuyết mà hưởng nguồn vui của Niết bàn, nghĩa là Ngài sống với tự thọ dụng thân. Còn chúng ta phải luôn sử dụng tha thọ dụng thân, nghĩa là thân tứ đại ngũ uẩn của mình tồn tại được là nhờ vào sự tác động bên ngoài, như phải nhờ không khí, phải ăn uống, phải đưa dinh dưỡng vào nuôi tứ đại, thì thân này mới tồn tại.

Ngoài ra, trần lao hết, vì hành giả đã ẩn cư, không còn làm việc thì không cần đối phó với người. Thật vậy, thực tế cuộc sống cho thấy mỗi ngày mối quan hệ giữa ta và gia đình, giữa ta và xã hội, giữa ta và thiên nhiên gây ra nhiều phiền phức. Nhưng vào núi rừng tu, ta vứt được mối quan hệ này, nên trần lao cũng theo đó mà cắt được.

Tuy nhiên, nghiệp thức của chúng ta vẫn còn tồn tại. Ngồi yên tu thì quá khứ gần và quá khứ xa liền sống dậy. Quá khứ gần là những gì đã xảy ra trong kiếp này, khi ngồi yên, chúng ta hay nghĩ đến vui buồn của cuộc sống. Người tu không có kết quả vì ngồi yên, những quá khứ này luôn hiện ra, thì lại đi tìm người để tâm sự, cho nên trần lao và phiền não cắt bỏ không được.

Thầy gặp Hòa thượng Viên Giác kể cho Thầy nghe rằng thuở nhỏ, tu ở Kim Huê, Hòa thượng thấy một Thầy khác với đại chúng. Thầy này không nói chuyện với ai và thấy người nói chuyện là Thầy tránh. Có người cúng dường, Thầy hạn chế nhận và nếu có, Thầy đem bố thí cho người khác. Nghĩa là vị Thầy này tu hành loại bỏ những sự quan hệ vật chất để tâm không bị kẹt với vật chất và để phiền não không phát sinh, cho nên sống chung với đại chúng, nhưng Thầy cắt đứt lẩn mối quan hệ bên ngoài. Một hôm, Thầy này tự nói rằng hôm nay tôi xin từ giã các Thầy để đi về. Các Thầy chưa đặc đạo không hiểu vị này muốn nói gì, mới nghĩ rằng Thầy này muốn về nhà, bỏ tu thật là uổng. Sau đó, vị Thầy này tắm rửa sạch sẽ rồi, ngồi ở chánh điện, niệm Phật, đúng giờ ngọ là Thầy đi. Hòa thượng Viên Giác thấy người tu có kết quả như vậy mà Hòa thượng lập chí tu hành. Còn thấy người hư hỏng, chúng ta dễ chán tu, hay hư theo. Tu hành, bớt ăn uống và cắt trần lao, phiền não, không quan tâm đến việc xung quanh và nhập định, rồi chết thì sẽ đi vào Niết bàn, hay Cực Lạc tùy theo sở nguyện.

Tâm thanh tịnh của Phật truyền cho ta, tâm ta được thanh tịnh. Tuệ giác của Phật truyền cho ta, trí ta sáng suốt. Tâm thanh tịnh và trí sáng suốt là cốt lõi của đạo Phật, hay định và huệ; dù tu pháp môn nào cũng phải có hai điều này. Nhưng muốn có được định và huệ, chúng ta tự lực, hay ta tự thanh tịnh mình rất

khó. Chỉ có Phật sanh lại mới làm được như vậy. Còn từ hàng Bồ tát trở xuống phải nhờ Phật lực gia bị, gọi là tha lực.

Tu Pháp Hoa, tha lực là Bồ tát đồng hạnh đồng nguyện thì gia bị được. Vì vậy, phải phát tâm độ chúng sinh, thì Bồ tát thương chúng sinh muốn độ chúng sinh, các Ngài phải mượn mình. Vì các Ngài ở thế giới Thật Báo, chúng sinh không thấy Ngài và Ngài không có sanh thân, nên không tiếp cận được chúng sinh. Trong khi ta có sanh thân, nên các Ngài mượn sanh thân của ta; nói cách khác, các Ngài vẫn muốn hợp tác với ta để làm một số Phật sự. Những người làm được việc lớn trên cuộc đời này đều nhờ có tâm thanh tịnh và nguyện độ sanh, mới tiếp nhận được lực gia bị của Phật, của Bồ tát khiến cho tâm trí họ sáng lạn và sức khỏe tốt lắn, mới thành tựu việc khó.

Hiểu như vậy, làm sao tạo được mối tương quan mật thiết với Phật và Bồ tát, gia trì lực của các Ngài mới đến với ta được. Tu Tịnh độ, ở Ta bà, nhưng nghĩ đến Phật Di Đà đến mức tâm bất loạn và tâm trí lắng yên thì Phật lực gia bị, tạo cho chúng ta có tâm lý rất bình ổn và sức khỏe tốt, mối tương quan với xã hội cũng tốt, là vì chúng ta tiếp nhận được năng lượng của Phật Di Đà, cho nên có được cuộc sống Cực Lạc ở Ta bà. Vì vậy, khi việc xong, nguyện mãn là trở về bốn độ như vị Thầy mà Hòa thượng Viên Giác thuật lại.

Tu Pháp Hoa, quan sát kỹ Ta bà, chúng ta phát hiện được các Bồ tát mười phương, các Bồ tát Tỳ năng địa dũng xuất và nhận thấy các Ngài hiện hữu trong tâm tưởng của chúng sinh. Vì vậy, ta quan hệ với chúng sinh, nhưng nhận ra Bồ tát là Bồ tát tâm, vì tâm họ tương ứng với Bồ tát nào thì được Bồ tát đó gia bị và họ làm việc của Bồ tát, nên họ là hiện thân của Bồ tát. Nhưng sau đó, vì họ còn phiền não, nghiệp chướng, trần lao, nên phiền não nổi dậy thì ma phiền não đã

đến với họ. Như vậy, khi mất chánh niệm, quỷ thần sẽ đến. Theo kinh nghiệm của tôi, khi có cảnh giác, biết quỷ thần đến thì đóng cửa phòng, đóng cửa tâm lại, không cho họ vô, vì họ vô được sẽ gây ra nhiều nguy hiểm. Nói cách khác, khi thấy tâm bất an, nên cắt đứt mối liên hệ với bên ngoài, để đừng làm ta nổi giận và làm đối phương nổi giận. Chúng ta hiểu yếu chỉ để tu có kết quả mới là việc quan trọng.

Đức Phật Thích Ca thành đạo ở Bồ đề là sự quan hệ của Phật và mười phương Phật, cùng chư Thiên, tạo thành Hoa Tạng thế giới là thế giới mà tất cả mọi người đều thanh tịnh. Thâm nhập được Tỳ Lô Giá Na tánh là tánh sáng suốt và sống được với Pháp thân Phật, với thế giới hoàn toàn thanh tịnh, nên mười phương Phật hiện ra và Phạm Thiên cũng xuất hiện để thỉnh Phật Thích Ca thuyết pháp và nói rằng các Ngài đều thương chúng sinh, muốn cứu chúng sinh, nhưng không làm được, vì không còn thân tứ đại ngũ uẩn. Trong khi Phật Thích Ca tâm thanh tịnh, hòa đồng được với chư Phật, nhưng Ngài còn thân tứ đại là Sa môn mới tiếp cận được chúng sinh và giáo hóa được. Vì vậy, chư Phật mười phương đều phóng quang gia bị Phật Thích Ca để Ngài giáo hóa chúng sinh. Chúng ta tu Pháp Hoa nhận ra yếu chỉ này, nên biết ta làm được là nhờ có thân tứ đại và có Thức này để lắng nghe và truyền đạt cho chúng sinh, hóa giải phiền não cho họ, truyền sự thanh tịnh cho họ.

Đức Phật Thích Ca rời Bồ đề đạo tràng tức rời thế giới ánh sáng để đến Lộc Uyển và trải qua suốt 12 năm, Ngài nói những pháp cho người thế gian tu hành, nghĩa là nói kinh A Hàm. Nhưng người chấp vô kinh này cho rằng đạo Phật là triết học, là xã hội học, không có gì cao siêu. Người nghĩ chấp như vậy, theo Phật đó là người mù rờ voi.

Kinh A Hàm nhằm giáo hóa con người trở thành đạo đức, căn bản nhất là phải quy y Tam bảo và giữ năm giới. Quy y Phật là lấy trí tuệ làm Thầy. Quy y pháp là lấy sự thật hay chân lý làm lý tưởng sống. Quy y Tăng là kết bạn với người hiền lành, sáng suốt, hòa hợp, không tranh cãi. Nương theo Tam bảo để sống, chắc chắn cuộc đời sẽ tốt đẹp. Ngoài ra, Phật dạy năm giới cấm: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói sai sự thật, không uống rượu. Đó là năm điều căn bản của người đạo đức. Thật vậy, người nói dối, phản bạn, lừa Thầy làm sao được ai tin dùng. Hay người gian tham trộm cắp dù chỉ một lần cũng không thể tin cậy. Và người đạo đức cũng không tà dâm, không sát hại sinh mạng của chúng sinh. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm và nói dối là bốn giới căn bản gọi là tánh giới. Giới thứ năm là không được uống rượu. Uống rượu không phải là cái tội, nhưng nó làm cho tâm trí con người bị rối loạn mà sanh ra tội lỗi.

Trong thế giới Phật không có năm giới cấm nói trên, nhưng vào Ta bà, Đức Phật phải sử dụng phương tiện để độ người, Ngài mới dạy những điều đạo đức luân lý của con người.

Khi Đức Phật thành Phật, cốt lõi mà Ngài muốn nói là kinh Hoa Nghiêm, nhưng vì chúng sinh không thể nào nắm bắt được, Ngài mới mở phương tiện là thuyết pháp trong suốt 49 năm. Giáo pháp của Phật nói đã được kết tập thành kinh tạng Nikaya là tam tạng Thánh điển và đây là cái gốc của đạo Phật, nhưng thật sự cũng do loài người biên soạn để truyền bá cho nhau tu học. Vì vậy, kinh điển giúp chúng ta hiểu nghĩa lý, chứ không nên chấp. Đến thời kỳ Phật giáo phát triển, các vị Thánh Tăng biên tập lại dưới dạng Đại thừa, từ đó có kinh điển Đại thừa ra đời. Nhưng kinh Đại thừa cũng phát xuất từ kinh Nguyên thủy, tức từ căn bản kinh điển đó áp dụng vào đời sống tu hành rồi đặc đạo thì thấy khác.

Thật vậy, cùng đọc một quyển sách, nhưng người trình độ thấp hiểu khác, người trình độ cao hiểu nghĩa lý sâu xa. Kinh Đại thừa đến thời Phương Đăng, Bát Nhã thì hiểu Phật cao hơn, không hiểu Phật là một con người bình thường. Theo tinh thần Đại thừa, Phật là con người, nhưng tiếp cận được thế giới thần linh, hay xa hơn, Ngài tiếp cận với chư Phật mười phương, nên Ngài tổng hợp được tất cả lực siêu nhiên thành một lực dụng vô cùng mạnh mẽ mà chúng ta không thể nào biết được, gọi là bất khả tư nghĩ. Điển hình như một người thuyết phục được người khác đã khó, vậy mà Phật chỉ trong một đêm giáo hóa được 3 anh em Ca Diếp là giáo chủ ngoại đạo và độ được 1000 người ngoại đạo thành A la hán. Việc này con người bình thường không thể làm được. Cho nên, Đại thừa bắt đầu thấy Phật khác, là thấy Phật từ con người nhưng siêu tuyệt hơn mọi người.

Vì vậy, nếu chấp vào kinh, sẽ không được giải thoát. Cho nên đến thời Bát Nhã, kinh Bát Nhã phủ nhận tất cả hình thức và văn tự ngữ ngôn để lấy vấn đề đắc đạo là chính. Phật đắc đạo, chúng ta cũng phải đắc đạo, không chấp văn tự nữa. Trên tinh thần này, kinh Bát Nhã không phải là một bộ kinh riêng, nhưng do tu từ kinh Nguyên thủy đến thời Phật giáo phát triển và ngộ được yếu chỉ, huệ chúng ta sáng ra, nên thấy khác. Người tu hình thức cứ tụng kinh ngày này sang ngày khác, nhưng trí tuệ không phát triển; trong khi người tu theo yếu chỉ kinh, mỗi ngày tụng kinh, nhận được ý khác hơn. Suốt mấy chục năm giảng Pháp Hoa, Thầy cũng không thể giảng hết ý nghĩa là vậy.

Nhờ đọc tụng kinh, chúng ta hiểu nghĩa lý sâu xa thì huệ sanh. Thật vậy, người có tâm Đại thừa đọc kinh Nguyên thủy thấy được yếu nghĩa của Đại thừa ẩn chứa trong đó và họ lay Phật bằng xi măng, nhưng thấy được Phật thật. Kết

quả này do chúng ta có căn tánh Đại thừa, hay nói cách khác, do kiếp trước chúng ta đã trồng căn lành ở Phật, kiếp này tuy không thấy Phật, nhưng trong tâm ta đã thấy Phật, nên thấy tượng Phật mà nghĩ ngay đến Phật thật. Thuở nhỏ, Thầy thấy Phật trên bao nhang mà nghĩ ra Phật và tâm Thầy muốn tìm Phật là đi tu, nhưng đi hoài cũng không thấy Phật. Phật này ở trong tâm chúng ta, ở trong vô hình.

Các vị cao Tăng đi tìm đạo, vì tâm đã có Phật, nhưng tìm ở thế giới vật chất không có Phật, mà đi vào thế giới tâm linh cũng không thấy được, vì nó mờ mờ ảo ảo. Tuy nhiên, cũng nhờ cái mờ ảo đó mà thấy được Phật. Nghe giảng pháp, chúng ta chỉ thấy mường tượng mang máng, vì chúng ta từng nghe ở kiếp quá khứ rồi, nên thấy vị này giảng không phải như vậy và tìm vị khác cũng thấy mang máng. Theo kinh nghiệm của Thầy, tìm Pháp sư giảng giống trong tâm tưởng mình là nghe tiếng mang máng. Nói cách khác, kinh Phật dạy và cuộc sống của vị cao Tăng cũng giống như kinh nói. Ví dụ Thầy tụng phẩm Dược Vương Bồ tát thấy Ngài đốt thân cúng dường Phật, liền chứng tam muội và đà la ni. Và trong thực tế cuộc sống, Thầy gặp Hòa thượng Trí Hữu đốt hương cúng dường Phật. Ngài đốt trên khắp đầu và trên cánh tay của Ngài, cho đến đốt rụng mất một ngón tay. Như vậy, ít nhất Hòa thượng Trí Hữu cũng có được thành quả tương tự như Bồ tát Dược Vương trong kinh Pháp Hoa. Hoặc Thầy học với Hòa thượng Trí Tịnh, thấy Ngài tụng kinh Pháp Hoa cũng đốt mất ngón tay út khi Ngài ngộ được yếu chỉ kinh Pháp Hoa. Chúng ta thấy hai vị cao Tăng này tu hành, ngộ được yếu chỉ kinh và đạt được những thành quả tương tự trong kinh, khiến cho niềm tin của ta đối với pháp Phật càng vững mạnh hơn nữa.

Đức Phật đã nói giáo pháp và Ngài đã làm những gì Ngài nói. Các vị Thánh Tăng cũng thực tập pháp Phật, đắc đạo, thấy Phật và hiểu kinh rồi mới chép ra kinh. Thầy biên soạn kinh Bốn môn Pháp Hoa cũng vậy, Thầy đã thực tập và gặt hái được kết quả căn cứ trên yếu chỉ của kinh, tuy đó không phải là Phật nói 100%, nhưng tương tự với Phật. Vì vậy, tìm kinh đọc và hiểu được nghĩa lý sâu xa thì tìm cái thực tế tương ứng để chúng ta áp dụng theo, còn những cái khác chúng ta loại ra.

Vì vậy, đến kinh Bát Nhã loại bỏ tất cả hình thức. Thầy tụng Bát Nhã cũng loại hết kinh Đại thừa ra khỏi tâm, thì tâm trống không, không có gì để bám víu, nên có cảm giác như rơi vào biển không. Bấy giờ, qua thời Pháp Hoa và Niết bàn. Ngài Trí Giả do tu chứng từ kinh Nguyên thủy đến Bát Nhã và Pháp Hoa mới đưa ra phán giáo rằng Phật nói kinh Hoa Nghiêm 21 ngày trong Thiền định cho các đại Bồ tát. Sau đó Ngài mới nói kinh Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa và Niết Bàn.

Pháp Hoa và Niết Bàn là thường trụ pháp, nên chúng ta có thể dựa vào đó tu hành, cảm thấy an ổn hơn và quan trọng là nhận được lực hộ niệm của Phật, nên thấy ấm áp hơn, thanh thản hơn. Theo Thầy, khi xả hết ở Bát Nhã, tâm trống không, thì phải dựa vào Phật, vào niềm tin nơi Phật lực để chúng ta bình ổn đi tới. Đối với Thầy, tất cả các kinh của Phật đều nhằm mục tiêu đoạn trừ phiền não, trần lao và nghiệp chướng, vì đó là những vật ngăn cách giữa ta và Phật. Sở dĩ chúng ta cầu nguyện không có kết quả, vì vẫn giữ nguyên ba thứ ngăn cách này.

Phật dạy chúng ta kinh Nguyên thủy nhằm đoạn trừ phiền não, trần lao, nghiệp chướng, đó là 37 trợ đạo phẩm. Nếu chê bỏ 37 trợ đạo phẩm là sai lầm

lớn. Thầy luôn luôn thực tập, cân nhắc pháp này; vì không có 37 trợ đạo phẩm, chúng ta không vượt được phiền não. Công năng của 37 trợ đạo phẩm đưa chúng ta vào Niết bàn Không, vô tác, vô nguyện.

Thật vậy, khởi đầu chúng ta phải nhìn đời qua lăng kính Tứ niệm xứ quán, tức luôn lấy tâm mình đặt vô bốn việc là quán thân bất tịnh để chúng ta không tham đắm; quán thọ là khổ để chúng ta xa lìa vật chất; quán tâm vô thường để không chấp vô đó và quán pháp vô ngã để không phiền muộn, được giải thoát.

Từ khởi đầu của 37 trợ đạo phẩm là quán Tứ niệm xứ, chúng ta xa rời tất cả sự chấp trước, vướng mắc, khổ đau và đến cuối cùng là giữ Bát chánh đạo để sống.

Hoa sen trên pháp y của chúng ta có 8 cánh và 7 hột, nghĩa là lấy cốt lõi của kinh Nguyên thủy là Thất Bồ đề phần, vì không có Thất Bồ đề phần là không có trí giác thì làm sao vào đạo được.

Về sau, pháp y không có 8 cánh sen, chỉ còn 7 hột Bồ đề, nghĩa là sen rụng chỉ còn tâm Bồ đề để vào thế giới Đại thừa. Nhưng muốn như vậy, phải có Bát chánh đạo, vì nếu không thấy đúng sẽ đau khổ, nếu thấy theo tham vọng là cái thấy sai lầm. Tu hành, nhận ra cái thực của cuộc sống, chúng ta xả bỏ dễ dàng, con quạ thì phải đen, con cò thì phải trắng là tất yếu. Mình muốn con quạ trắng làm sao nó trắng được. Phật dạy chúng ta phải biết chúng sinh nghĩ gì, muốn gì, làm được gì. Thầy thường nói rằng người không phải là mình, nên chấp gởi cho họ vào đời, không muốn họ làm theo ta, vì họ có nghiệp riêng của họ và họ phải theo nghiệp đó thôi.

Chánh kiến, chánh tư duy là suy nghĩ theo Phật, tức ta nhìn đời qua lăng kính kinh điển, sẽ thấy tốt hơn. Và có được chánh kiến, chánh tư duy rồi, thì không nói sai là chánh ngữ.

Tu hành không thể bỏ kinh Nguyên thủy, hay Bát chánh đạo và Thất Bồ đề phần. Tu Pháp Hoa, xả Bát chánh đạo, để giữ Thất Bồ đề phần, vì hoa lạc liên thành, nghĩa là cánh sen rụng để còn lại gương sen có 7 hột và nuôi lớn 7 hột này. Nói cách khác, bỏ cánh sen hay bỏ hình thức rườm rà làm chúng ta không đi xa vào thế giới tâm linh được. Mặc dù không giữ hình thức, nhưng không phạm sai lầm. Không phải không chấp tướng rồi phạm lỗi lầm là đạo.

Qua giai đoạn phải giữ gìn từng chút một, chúng ta hoàn toàn thanh thản thì đó là cái được tự nhiên của Bát chánh đạo, không phải mất Bát chánh đạo. Ví dụ Tề Thiên bị đeo vòng kim cô, vì không có vòng này, ông nổi loạn. Nhưng khi thỉnh được kinh và bái Phật rồi, Tề Thiên bảo Quan Âm gỡ bỏ dùm vòng kim cô; Quan Âm nói vòng này mất rồi, còn đâu mà gỡ.

Bước chân vào Đại thừa, giới luật tự biến mất để thành Phật, không phải thành ác ma. Phật chế giới nhằm cấm ngăn người sẽ phạm giới, cho nên khi Phật độ năm anh em Kiều Trần Như, không có giới. Nhưng khi Phật bắt đầu nói giới để độ trưởng giả Da Xá và 50 thanh niên, vì họ về nhà sống thì sẽ nảy sinh vấn đề, mới cần giữ giới.

Chúng ta tu Pháp Hoa, dồn sức nuôi 7 hạt Bồ đề để hạt lớn lên và hạt chín, mới có mầm sen, cho đến hạt thối đi để nuôi mầm sen mọc lên cây sen khác.

7 phần Bồ đề nằm trọn trong tâm chúng ta, nên chúng ta tu mà không ai biết mới là tu cao, gọi là vô tác diệu lực. Còn làm mà người ta biết được là bình thường. Cũng vậy, người tu hình thức có giới hạn, còn người tu 7 phần Bồ đề trong tâm thì vô lượng.

Tóm lại, kinh Nguyên thủy gom lại còn pháp tu Bát chánh đạo và xả Bát chánh đạo, lấy Thất Bồ đề phần. Như vậy, kinh Nguyên thủy nhằm dạy chúng ta trở thành người đạo đức trong xã hội và cao hơn là Bát chánh đạo, tức đạo đức của người xuất gia, hay hàng Thanh văn.

Kế đến là hàng Duyên giác quán nhân duyên để sanh trí tuệ và dùng trí tuệ quan sát cốt lõi của kinh để hiểu nghĩa lý sâu xa mà thực tập. Quán sát 12 nhân duyên là nhìn cuộc sống của con người vận hành theo vòng xoay, khởi đầu từ một niệm vô minh, tức ý nghĩ sai lầm, dẫn đến sai lầm về hành động, về lời nói, mới có quả báo và hiện thân khổ đau. Sau cùng, cái vòng sống khổ đau đó kết thúc bằng lão và tử. Tuy nhiên, trong 12 nhân duyên, mắc xích là ở vô minh mới sanh ra tội lỗi. Chỉ cần minh sanh ra là ngăn chặn được vô minh liền. Vua Trần Nhân Tông ngộ đạo cũng từ một niệm minh, mới thốt lên rằng:

Thị phi tiếng rặng theo hoa sớm

Danh lợi lòng băng với bão đêm

Hoặc Hòa thượng Trí Tịnh không nghe ai, vì Ngài biết rồi, nên sanh tử luân hồi cũng kết thúc từ đây, vô minh, phiền não, trần lao đã chấm dứt rồi.

Có thể nói pháp tu của Duyên giác thừa tuy nhiều, nhưng thực chất chỉ còn "Biết và không biết".

Như vậy, hàng Thanh văn dùng đạo đức và hàng Duyên giác dùng trí tuệ để vào thế giới Pháp Hoa. Cao nhất là vào bằng Bồ tát đạo. Bồ tát khởi tu bố thí, giúp được gì cho người đều sẵn lòng, những gì chúng ta biết nên dạy người và những gì không cần, chúng ta cho. Pháp thứ hai của Bồ tát là trì giới, chủ yếu là thập thiện giới để thân khẩu ý được thanh tịnh. Bồ tát tu lấy tâm làm chính, không tham không giận, nên được sáng suốt và thấy việc đáng làm; đó là Bồ tát trì giới. Bồ tát còn có hạnh tinh tấn, vì nghĩ rằng thọ mạng của con người không nhiều, làm được việc gì là làm, không đợi ngày mai và làm đến hơi thở cuối cùng. Quan trọng đối với Bồ tát là tinh tấn làm cho tâm thanh tịnh, không vọng động; vì thiện là định tĩnh và ác là vọng động. Làm nhiều nhưng không thanh tịnh là ác rồi. Vì vậy, Bồ tát không quan trọng làm nhiều hay làm ít, nhưng quan trọng phải giữ tâm thanh tịnh để thấy việc đáng làm, người đáng giúp.

Tu tinh tấn giữ tâm thanh tịnh đi sâu vào Thiền định, vì các pháp Phật không ngoài Thiền định và trí tuệ. Tâm lúc nào cũng phải đứng yên và nhìn đời sáng suốt. Tâm đứng yên là vào Vô lượng nghĩa xứ định là định của Pháp Hoa và huệ theo đó phát sinh, mới thấy hoa Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, thấy chúng sinh từ địa ngục A Tỳ cho đến trời Hữu đảnh, thấy bức tranh toàn bộ Pháp giới hiện ra.

TẤT CẢ KINH PHẬT NÓI TỪ KINH NGUYÊN THỦY CHO ĐẾN KINH ĐẠI THỪA CUỐI CÙNG QUY VỀ PHÁP HOA.

Mở đầu kinh Pháp Hoa là kinh Vô Lượng Nghĩa. Kinh Vô Lượng Nghĩa gồm thu cả tam thừa giáo. Thật vậy, Thanh văn tu 37 trợ đạo phẩm và cuối cùng

thân khẩu ý đều thanh tịnh mới vào được thế giới chân thật, đó là con đường thứ nhất để vào Pháp Hoa.

Con đường thứ hai của Duyên giác do quán sát 12 nhân duyên thấy được sự thật của các pháp. Thật là sanh diệt mà muốn không sanh diệt không thể có, muốn trẻ không già không được. Tất cả muôn vật đều thay đổi trong từng sát na. Có người thương muốn giúp đỡ ta, nhưng ngày mai, họ không còn ý đã hứa nữa, chúng ta không nên buồn giận khổ. Phật dạy tâm vô thường, nay nghĩ vậy, mai nghĩ khác là bình thường. Vì vậy, nhìn sự vật bên ngoài thay đổi mà biết tâm chúng ta thay đổi. Khi nào tâm chúng ta thật thanh tịnh, phước đức hiện ra, người sẽ hợp tác, nhưng ít ai nghĩ rằng tâm mình thay đổi, cứ nghĩ hoàn cảnh bên ngoài thay đổi. Hàng Duyên giác quán nhân duyên, thấy biết sự thay đổi là lỗi lầm quá khứ của mình, hay quán những kiếp trước thì thấy ngay điều này.

Trong một mùa an cư, có một đại thí chủ hứa cúng dường Phật và chư Tăng trong ba tháng, nhưng đến mùa an cư, không thấy ông đại thí chủ đã hứa đâu cả. Các Thầy chưa đắc đạo lo lắng, còn Phật vẫn thanh thân và nói rằng đây là túc nghiệp của Ngài. Phật cho biết đời trước Ngài phạm một lời nói ác khi thấy Tỳ kheo đi khát thực mà nói rằng người này còn khỏe mạnh mà không chịu làm việc, lại đi xin. Ngài bảo người làm cho lúa ngựa, không cho cơm. Khởi một ý niệm ác và làm ác ở kiếp quá khứ như vậy mà nay quả báo tới. Chư Tăng không có thức ăn, thì có một người lái buôn đem cúng Phật và Tăng chúng thức ăn của ngựa. Làm Phật có phước báu thì trả quả báo khác với chúng sinh thọ quả báo. Phật trả quả báo này như thế nào? Người buôn ngựa thật ra là Trời Đế Thích biết việc này, nên hiện ra để cúng dường Phật và Tăng chúng.

Duyên giác thừa dành cho người có trí mới quán sát được. Không có trí tuệ phải đi vào Thanh văn thừa, tức nhờ quán pháp Phật dạy mà tâm lắng yên. Còn Duyên giác quán sự vật bằng trí tuệ của mình, nên tâm không phiền muộn.

Con đường thứ ba của Bồ tát đi vào Pháp Hoa là hành Bồ tát đạo, tất nhiên gặp nhiều việc ngang trái, nên khó tránh khỏi khởi tâm. Ví dụ khi ta giúp người, nhưng họ không vừa lòng, ta sẽ buồn phiền. Có Phật tử nghe Thầy thuyết pháp thấy ăn mày nên thương, bố thí cho họ, nhưng khi ra về nhìn thấy người ăn mày sống sung sướng hơn mình, ăn ngon còn đánh bạc. Bà này bực tức, nghĩ không bố thí nữa. Đó là Bồ tát mới phát tâm thấy khổ của chúng sinh thì giúp đỡ, nhưng thấy họ đối trá thì bực tức, là bố thí không có trí tuệ chỉ đạo dễ sanh phiền não, trần lao, nghiệp chướng. Giúp người không đúng, chẳng những không có phước, mà ta còn gánh thêm nghiệp của họ. Có người phải để cho đói khổ, họ mới tu được; với người như vậy, giúp họ là ta phá pháp. Ví dụ vào chùa thấy ông đạo hiền lành, dễ thương. Ta liền đưa ông về nhà mình để nuôi, rồi thấy ông ấy không làm được gì, vì ở chùa ông chỉ tụng kinh thôi. Có trí tuệ, ta giúp ông đạo ở chùa tu, đừng bắt đem về nhà. Có trí tuệ biết nó là ăn mày giả thì không cho, vì cho là tiếp tay với người xấu. Ở Nhật Bản không có người ăn xin, vì không ai cho.

Tu Bồ tát hạnh, cần có trí tuệ quán sát để hành bố thí. Phật dạy bố thí để tâm tham luyến tài vật không còn, tâm chúng ta được giải thoát, mới vào đạo được. Đức Phật bỏ ngôi báu đi tìm chân lý để xem lòng còn tiếc hay không. Phật thấy ngôi báu là chỗ tranh giành giết chóc đáng sợ và thấy cuộc sống sung sướng của vua làm cho bao nhiêu người phải hầu hạ, chăm sóc Ngài thì đó là quả báo phải trả, gần là hao tổn tiền bạc của dân, xa là bị tổn phước, nên cuộc sống như vậy không thể tồn tại lâu dài. Thực tế cho thấy người có phước làm

vua trong khoảng thời gian dài, người phước ít chỉ ở ngôi vị một thời gian ngắn, thậm chí có người vừa lên ngôi vua là chết.

Bổ thí là xả bỏ vật chất để xem tâm phiền não còn hay không. Nếu lòng tham còn, ta phải sám hối, đoạn trừ tâm tham ái để vào đạo. Tham ái có ba thứ chính là tham danh, tham lợi và tham tình ái. Đoạn ba thứ tham này, các loại tham khác không còn tác dụng. Có người nói với Thầy rằng không thể đi tu được, vì sự nghiệp của ông tạo bằng mồ hôi nước mắt trong 40 năm, làm sao bỏ được. Nếu bị kẹt cứng với sự nghiệp vật chất như vậy thì sau khi chết, sẽ thành ma giữ của, không đi đâu thai được. Trên thực tế, chúng ta thấy những lâu đài xưa thường có âm khí vì chủ nhân là các hồn ma vẫn còn bám víu nơi đó.

Tu Thanh văn dễ xả bỏ, vì họ ôm bình đi khát thực, ngủ ở gốc cây, không có gì để nắm giữ và để luyến tiếc, nên họ vào đạo dễ dàng và tiến tu được. Hàng Duyên giác tu pháp quán cũng dễ đi tới được. Còn hành Bồ tát đạo độ người nhiều, nhưng cũng dễ phát sinh phiền não, trần lao, nghiệp chướng, dễ bị đọa.

Tu Bồ tát đạo phải có đạo đức và trí tuệ ví như hai cánh tay để hành đạo. Còn chúng ta không đắc đạo, không trí tuệ, mà làm thì dễ bị phiền não, nghiệp chướng và trần lao tác hại. Người có đạo đức hiện hữu nơi nào cũng được người kính trọng và nói gì thì người cũng tin theo, hoặc có bổ thí dù là vật không có giá trị, người nhận cũng trân quý. Nhưng chúng ta không phải mẫu người này, nên luôn cộng nghiệp với người mà chúng ta giúp, cho nên ta tu rất khó.

Muốn tu Bồ tát đạo, Phật khuyên mình nên làm quyến thuộc với Bồ tát, không phải tự làm; ví như có tiền nhưng không biết kinh doanh thì mình đầu tư cho người khác làm sẽ có lời, còn tự làm thì mất vốn, đó là cái khó của Bồ tát

đạo. Hành Bồ tát đạo, phải hợp tác, nhưng phải coi hợp tác ở đâu, với ai. Nếu có Phật ra đời, Ngài không bao giờ sai lầm, nên chúng ta đầu tư cho Phật, hoặc đầu tư cho Bồ tát. Các Ngài làm nên đạo nghiệp lớn, trong đó có phần của mình. Chúng ta tự làm thường kẹt vào việc cầu danh, dễ bị đọa.

Tu theo Thanh văn, Duyên giác, hay Bồ tát, nói chung tất cả kinh điển Phật dạy cũng đòi hỏi chúng ta đến mức thánh thiện là tâm trí lắng yên. Người tu Tịnh độ chọn pháp niệm Phật, trì kinh và nương theo vị Thánh Tăng nào thể nghiệm được pháp này có kết quả để tu. Niệm Phật đến mức tâm trí lắng yên như vào Thiền định, hay được nhất tâm bất loạn, không có nghiệp, phiền não và trần lao; bấy giờ hành giả mới thấy Phật và Thánh chúng phóng quang tiếp độ và nương theo ánh sáng đó thì vắng sanh Tịnh độ.

Khi chúng ta nhìn tượng Phật để tập trung đến mức thuần thực, nhìn đâu cũng thấy Phật, nghĩ là Phật, nhờ vậy hạn chế được lỗi lầm, nghĩa là nghiệp chúng ta nhẹ dần, sau mới vào thế giới Phật được. Theo kinh nghiệm của Thầy, hành Bồ tát đạo, nhưng tâm luôn tập trung vào Phật, cho nên gặp người xấu ác, Thầy cũng nghĩ họ là Phật, sanh tâm kính trọng họ. Người xấu mà mình nghĩ là tốt; như vậy trong tâm mình là thiện rồi. Tâm tạo ra tất cả các pháp là thế. Nếu mình thấy họ xấu và ghét họ, làm sao họ thương mình được. Phật dạy Bồ tát Địa Tạng vào địa ngục để độ sanh, nên tìm cái tốt của người mà nghĩ, đừng thấy cái xấu, dù điều tốt của người nhỏ nhoi mỏng manh bằng sợi tơ cũng nên cứu độ họ. Chỉ thấy cái tốt thì người xấu nào cũng trở thành tốt được. Trên cuộc đời này, giới giang hồ là người xấu nhất, điển hình như Liên Hoa Sắc mà Đức Phật nhìn bà này cũng thấy được điểm tốt của bà, nên bà đã phát tâm xuất gia theo Phật và

thành A la hán. Thấy điều tốt và phát huy cái tốt của họ, lần lần họ cũng tốt và tu được.

Ba con đường Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát, kinh Pháp Hoa gọi là ba xe và Nhà lửa tóm lược tất cả kinh điển để giúp hành giả ra khỏi cảnh khổ đau và tâm trí được lắng yên, mới có đạo, có đời sống tâm linh thật sự mà kinh điển tả là tới bãi đất trống mới lên đại bạch ngưu xa và có Pháp Hoa. Còn ở trong Nhà lửa không có Pháp Hoa. Có Pháp Hoa vì tâm thanh tịnh và trí sáng suốt. Tới được Pháp Hoa, bốn biển là nhà, thân trùm pháp giới. Vì vậy, khi người thấy ta còn khó chịu là vì ta chưa tới Pháp Hoa, thân tâm ta chưa thanh tịnh, trí chưa sáng suốt.

Tu Pháp Hoa là tu ở Ta bà đầy khổ lụy, nhưng ta không khổ, không nhiễm bùn, tức tâm chúng ta không tham, không buồn phiền, ví như hoa sen và trí tuệ, đạo đức tỏa hương thơm. Trên tinh thần này, tuy nói ra khỏi Nhà lửa tam giới nhưng ra mà không ra, vẫn ở đây, ở trong bùn, nhưng là hoa sen tinh khiết.

Thanh văn vào Niết bàn là sai, vì như vậy là rơi vô sự vô cảm trở thành gỗ đá. Trước kia, Thanh văn tu pháp Không để tâm thanh tịnh, nhưng đắc đạo rồi, là Thánh A la hán thì phải biết, phải nghĩ, phải thương đời. Giai đoạn trước, chúng ta tu Thanh văn để tâm lắng yên, thấy được pháp cao siêu hơn để cứu đời. Cho nên ra khỏi Nhà lửa tam giới rồi, tâm không còn buồn, giận, lo, sợ, để vào hội Pháp Hoa; nhưng muốn được như vậy, phải đối cảnh là ở trong hoàn cảnh đáng buồn giận, lo sợ, nhưng chúng ta không buồn giận, lo sợ. Còn chúng ta ở chỗ yên ổn thì có gì mà sợ. Đáng buồn giận, lo sợ chỉ có ở Ta bà, ở Cực lạc không có bốn thứ này thì sen cũng không mọc được. Vì vậy, Phật dạy rằng không có phiền não, nghiệp và chúng sinh sẽ không có Bồ tát.

Nhận thức được yếu nghĩa như vậy, chúng ta ở Ta bà mở mắt huệ để thấy Bồ tát mà chúng ta hợp tác tu hành. Ở Ta bà mới có Bồ tát hành Bồ tát đạo. Ví dụ ở đây bố thí thì thiếu gì người xin, ở đây biết một nghề nhỏ cũng dạy được người. Ở nước văn minh phải giỏi mới dạy được. Người giàu có vào Việt Nam đầu tư vì nhân công rẻ. Chúng ta khổ quá nên muốn bỏ khổ mà chạy, nhưng làm sao chạy khỏi, vì nghiệp giống như cái đuôi của con trâu dính chặt với nó.

Thầy tin ở chỗ khổ có nhiều Bồ tát hiện thân vô để tạo duyên thuộc Bồ đề mới có công đức. Nhiều Thầy nói rằng Thầy về Việt Nam tìm cái chết, nhưng nay quý vị đó thấy Thầy ở Việt Nam làm được nhiều việc hơn. Ở Ta bà có rất nhiều Bồ tát mà cụ thể chúng ta tôn thờ là Bồ tát Quan Âm. Ngài có 32 hiện thân, nên Ngài hiện hữu trong giai cấp thợ thuyền, công chức, v.v..., trong tầng lớp xã hội nào cũng có người tốt, chúng ta tìm làm bạn với họ để cùng làm Phật sự. Nếu họ là vua biết làm việc thiện, biết lo cho dân, chúng ta ủng hộ để kiếm một phần công đức.

Ta bà và Tịnh độ theo Pháp Hoa là một, vì tâm tịnh là độ tịnh, tâm chúng ta thanh tịnh thì Ta bà này thanh tịnh. Xá Lợi Phất nghe Phật giới thiệu Tịnh độ mười phương mới nghĩ chẳng lẽ Phật Thích Ca không thanh tịnh hay sao mà thế giới của Ngài đầy hầm hố gai chông. Trời Đế Thích mới hiện ra nói rằng vì tâm Xá Lợi Phất hầm hố nên thấy vậy, còn ông thấy thế giới Phật Thích Ca đẹp hơn cung Trời tam thập tam thiên.

Ở thế giới chúng ta đang sống có Tịnh độ, nhưng tâm ta không thanh tịnh, mới không vào Tịnh độ được. Và không vào Tịnh độ, tâm ta nhiễm ô khổ đau. Thiết nghĩ ít nhất lúc chúng ta trì kinh thanh tịnh thì thế giới Tịnh độ đã hiện ra cho chúng ta.

Thâm nhập được thế giới Pháp Hoa, trước tiên phải có hoa Mạn đà la và Mạn thù sa, tức tâm họ thanh tịnh và an lạc thì có Pháp Hoa; không có hai trạng thái này là Ta bà. Nếu vào Tịnh độ, tâm họ thanh tịnh, sẽ hiện tướng giải thoát và được người quý trọng. Còn tâm không thanh tịnh phải đối đầu với phải trái hơn thua. Ý này muốn nói yếu chỉ là Phật vào Thiên định thì tất cả chúng hội đều vào Thiên định và thanh tịnh theo. Nói cách khác, nghĩ đến Phật thanh tịnh, chúng ta thanh tịnh theo, cái này là Phật cho. Thực tế cho thấy khi đứng trước một người đức hạnh, hay người quyền uy, hoặc người hung dữ, tâm chúng luôn bị tác động. Vì vậy, chúng ta tìm lực tác động tốt nhất là của Phật, của Bồ tát. Tâm chúng ta lắng yên sẽ gặp Phật, tâm chúng ta thương người sẽ gặp Bồ tát. Và tiếp cận được với Phật, với Bồ tát, nhận được sự hộ niệm của các Ngài, tâm chúng ta càng lắng yên hơn, lòng thương người càng lớn hơn và làm được nhiều việc lợi ích cho đời hơn.

Giữa ta với Bồ tát mười phương và Bồ tát nhân gian có mối tương quan tương duyên để hỗ trợ nhau. Vì vậy, ta tìm Bồ tát nhân gian và có ý tốt về họ, họ nghĩ tốt về ta. Thấy làm đạo được là nhờ người giúp, gọi là Hộ pháp thần dương, tức là người hiện hữu trên cuộc đời này. Còn nghĩ người xấu ác, lần lần người xấu ác với ta tăng lên. Hôm nay chúng ta thân với họ, nhưng ngày mai, ta nghĩ họ xấu, là đã biến bạn thành thù. Nếu ta tốt thực, Bồ đề quyến thuộc sẽ đông thêm, mới làm được Phật sự. Tu Pháp Hoa phải thực hiện hạnh Bồ tát, ở ngay Ta bà tội lỗi này mà phải vươn lên tỏa hương thơm cho đời.

Tất cả các kinh Phật nói trong 49 năm đều có cốt lõi và người tu Bốn môn Pháp Hoa muốn tìm cốt lõi, không chấp hình thức bên ngoài. Vì vậy, phải hiểu nghĩa lý bên trong và tu đạt được kết quả; không hiểu cốt lõi thì tu suốt đời chỉ là người

nấu cất muốn thành cơm. Tất cả kinh đều trở về kinh Pháp Hoa, nên các vị Thánh Tăng gọi là đồng quy giáo, nghĩa là trăm sông đổ ra biển. Kinh Pháp Hoa ví như biển và các kinh khác là sông, cho nên kinh Pháp Hoa bao gồm tất cả phương tiện và kinh Pháp Hoa còn có tên khác là kinh Vô Lượng Nghĩa, tức không có một nghĩa cố định, nhưng đứng ở mặt nào, Pháp Hoa cũng thu nhiếp được và điểm chính yếu của vô lượng nghĩa là đạo đức, trí tuệ và phải có lợi ích cho người. Cốt lõi của kinh Pháp Hoa, hay cốt lõi của đạo Phật là ba điều này.

Kinh Pháp Hoa được coi là cốt lõi của đạo Phật, hay Phật thừa, còn các kinh khác thuộc Thanh văn thừa, Duyên giác thừa hay Bồ tát thừa, tức được một trong ba điều chính yếu vừa nói. Trên bước đường tu, đương nhiên Thanh văn thừa và Duyên giác thừa cũng cần thiết, vì không học sẽ phạm sai lầm, nhưng học mà không làm thì uổng phí. Hành Bồ tát đạo lấy việc học và làm lợi ích là chính, nhưng càng giỏi, ta càng khiêm tốn là có đạo đức. Làm nhiều việc, nhưng không nghĩ đến thành tích. Hành Bồ tát đạo làm gì cũng được, nhưng phải được đánh giá là có đạo đức, có trí tuệ và làm lợi ích, thì như vậy chúng ta vào được kinh Pháp Hoa là vào bằng cửa vô lượng nghĩa. Tất cả các pháp môn đều vào Pháp Hoa được, nhưng phải có đủ ba tiêu chuẩn này.

Vào cửa Pháp Hoa là ra khỏi Nhà lửa tam giới, đến bãi đất trống, tức phải xả bỏ tất cả, còn giữ lại một chút gì cũng không được. Ngài Huyền Trang đi thỉnh kinh, đến chùa Lô Âm phải qua sông, nhưng không có cây cầu. Ngài sợ quá khi thấy có một cái cầu như một làn tên bắn ra rồi biến mất, nhằm chỉ rằng khi tu hành, có lúc tâm ta thanh tịnh, tâm đứng yên, ta quên nhà cửa, việc làm, quên người thân và quên cả thân xác này, thì bấy giờ, ta liên hệ được Phật; nhưng khi tâm vọng động, mối liên hệ này tự biến mất. Thầy Huyền Trang quên tất cả, nhưng

còn nhớ cái thân của Ngài, nghĩa là trước cái chết, tự nhiên sợ chết. Vì vậy, Huyền Trang không lên cái cầu của Tâm được và ông nhìn từ xa có một chiếc thuyền tới. Thuyền tiêu biểu cho giáo pháp chúng ta học. Chúng ta không thể qua sông mê bể khổ, nên phải bám vào giáo pháp để tu và để xóa phiền não trần lao. Thầy Huyền Trang thấy thuyền mừng quá, cũng như Tổ Thiên Thai gặp được kinh Pháp Hoa, mừng quá, phát khóc; vì Ngài muốn tới với Phật, nhưng không có cách nào, nên gặp được kinh là phương tiện thì mừng quá. Ngài chuyên tụng kinh Pháp Hoa đến thuộc lòng và thâm nhập cốt lõi của kinh. Ngài thấy thế giới Phật hiện ra. Nghĩa là tụng kinh văn tự, rồi tụng yếu nghĩa của kinh, quên đi văn tự kinh là tu Bốn môn, thì tâm thanh tịnh. Phật hiện ra, nên Ngài nói hội Linh Sơn chưa tan.

Thầy Huyền Trang thấy chiếc thuyền không đáy, nên sợ, không dám xuống, điều này nhằm chỉ rằng chúng ta tu, nhưng chưa dứt khoát. Tổ dạy rằng sơn cùng thủy tận là chỗ ngộ đạo, đến mức tuyệt mạng tuyệt thể mà tâm sáng lên mới qua được bờ giải thoát. Trên bước đường tu, đến lần ranh giữa sống và chết là quan trọng nhất, chúng ta tu để chuẩn bị điều này.

Tôn Ngộ Không xô Huyền Trang té xuống thuyền và Thầy bám vô thuyền, thấy có một xác người giống mình trôi trên sông. Còn sống thì nghĩ thân xác này là mình, chết thì nghĩ thân này là sở hữu của mình. Và khi tu hành, nhận ra được thân mình là một khối nghiệp mới bắt đầu sửa, sửa sao cho tác phẩm của mình tuyệt hảo. Khi con người mình hoàn hảo là tâm thế nào thì hình thế ấy. Chúng ta dùng tâm chỉnh sửa thân sao cho mọi người quý mến được, đó là tu.

Rớt xuống sông, Ngài Huyền Trang mới nhận ra xác mình, còn chân thân thì hoàn toàn tự tại. Ngồi trên thuyền không đáy, hay tới cửa Không, tới bãi đất

trống là đến đây mới có đại bạch ngưu xa. Vì kinh Pháp Hoa làm cho chúng ta giải thoát, được an lạc trong cái bất an. Sống trong xã hội này, tất cả mọi người lo sợ, nhưng ta tu Pháp Hoa không lo sợ, không buồn giận. Còn buồn giận lo sợ là chưa vào Pháp Hoa. Nếu chúng ta sống với chân tâm thì lửa không đốt được, ác ma không hại được, thì ta sợ gì. Thấy làm được Phật sự nhờ đặt niềm tin trọn vẹn ở kinh, ở Phật. Thấy nghĩ sống cho tốt và chết thì có Phật cứu, ta về thế giới Phật. Thậm chí có ý nghĩ táo bạo, thích chết trong nguy hiểm để có đóng góp cho đạo trước khi ra đi.

Tu Pháp Hoa cảm nhận sự an ổn ngay trong trần gian, còn tu Tịnh độ nghĩ Ta bà không an, phải về Cực lạc. Tu Pháp Hoa, Phật dạy nếu tâm chúng ta an thì chỗ đó an. Có thế giới Pháp Hoa thật là thân như hoa sen và tâm như ngọc sáng, tức có đạo đức và trí tuệ. Còn chưa có gì thì tụng 100 bộ kinh Pháp Hoa để mong hoàn cảnh tốt hơn và được hưởng thụ nhiều hơn thì làm sao có được.

Khi có Pháp Hoa, kinh điển tả có hoa Mạn đà la tiêu biểu cho nguồn vui của tâm và hoa Mạn thù sa tiêu biểu cho sự trong sạch. An lạc và trong sạch là cốt lõi của Pháp Hoa.

Thân của hành giả Pháp Hoa ví như hoa sen là sống trên cuộc đời này mà không nhiễm ô điều gì, hoàn toàn thanh thản. Vì vậy, bắt đầu tu, không cần chỗ ở, ở đâu cũng được. Phật dạy Tỳ kheo cuộc hành trình trên thế gian, hay hành trình trong đạo, đi mãi, không kẹt chỗ ở thì tâm được giải thoát một phần. Chỗ ở của chúng ta nhỏ nhất theo Ngài Vinh Tây, vị Tổ sư Nhật Bản nói rằng nếu nằm thì chỉ một chiếu, còn ngồi thì chỉ nửa chiếu. Một chiếu có bề dài 2 mét, bề ngang 7 tấc. Đừng lệ thuộc chỗ ở nhiều để tâm không bị vướng mắc. Nhiều người giàu nói có đất ở khắp nơi là tâm họ bị kẹt nhiều, nên càng giàu càng khó tu. Không

lệ thuộc chỗ ở trước nhất sẽ thấy phước báo hiện ra là phước báo của chư Thiên, chánh báo ở đâu thì y báo ở đó.

Khi thành đạo ở Bồ đề đạo tràng, Đức Phật chứng tam minh và khi Phật kết thúc lộ trình hoằng pháp bằng kinh Pháp Hoa cũng có tam minh. Tại Bồ đề đạo tràng, Phật đã nhập Vô lượng nghĩa xứ định, tức tâm lắng yên và cũng có hoa Mạn đà la, hoa Mạn thù sa là Phật đã chứng được tâm an lạc và tâm trong sạch thì cảnh giới giác ngộ hiện ra.

Đầu tiên, Phật thấy được Túc mạng minh, tức Ngài bắt đầu quan sát nghiệp thân của Ngài từ quá khứ lâu xa cho đến hiện đời, thấy rõ con người thực của Ngài là thấy cái tốt và cái chưa tốt. Phật quán sát kỹ như vậy để điều chỉnh cho đến toàn thân thể hiện 32 tướng hảo, 80 vẻ đẹp và vô số việc làm thánh thiện, không còn việc gì làm phiền Ngài được. Ngài hoàn toàn trong sạch.

Và chứng Túc mạng minh, tâm sáng suốt, thân trong sạch, bắt đầu quán sát cuộc đời thì Ngài chứng Thiên nhãn minh là thấy khắp vũ trụ, thấy tất cả chư Phật và Bồ tát cùng chúng sinh. Nhờ thấy đúng như vậy, nên Phật giáo hóa chúng sinh không chướng ngại, thấy người ở tiền kiếp từng được Ngài cứu độ, hay họ từng gây khó khăn cho Ngài.

Tới Vô lượng nghĩa xứ tam muội ở thời Pháp Hoa, Phật làm cho tất cả mọi người trong chúng hội thấy được tất cả, là thấy theo kinh và vào định mới thấy như vậy. Vì vậy, tu giáo pháp Phật, ta thấy y như Phật dạy. Phật khai phương tiện để chúng ta tu hành và tới Pháp Hoa, tâm trí ta lắng yên, vào định, sẽ thấy được những điều Phật đã thấy ở Bồ đề đạo tràng. Ở Bồ đề đạo tràng, Phật thấy Pháp giới; ở hội Pháp Hoa, Phật làm cho chúng hội thấy Pháp giới.

Ta nương Pháp Hoa tu để thấy như Phật là thấy tất cả chúng sinh trong sáu đường sanh tử, họ khổ thế nào, hay họ sướng ít mà khổ nhiều, là thấy địa ngục A tỳ và sung sướng là ở trời Hữu đảnh, nhưng hết phước cũng bị đọa. Thấy như vậy là chúng ta thấy rõ sự thay đổi của chúng sinh trong luân hồi sanh tử, sướng đó rồi khổ đó.

Các Tỳ kheo học kinh Nguyên thủy để thấy cuộc đời thực và trải qua một thời gian tu hành, thấy xa hơn là thấy cái khổ của thế gian và thấy cái an lạc của xuất thế, tức thấy người tu trong Thiền định, thấy trong ánh quang, hay thấy trong kinh. Và cuối cùng thấy Bồ tát hiện hình cứu độ vô số chúng sinh, đó là bức tranh hiện lên cho chúng ta tu. Khởi đầu, chúng ta thấy trong kinh có Bồ tát Quan Âm, Địa Tạng, nhưng tu Thiền định đến hội Pháp Hoa, mới thấy các Ngài thật sự hiện hữu trong vô hình và cả trong cuộc đời này.

Việc quan trọng khi tu Pháp Hoa phải mở mắt huệ để thấy ai là Bồ tát để chúng ta theo. Phật dạy rằng tất cả Bồ tát đều hiện thân trên cuộc đời làm vua, hay làm trưởng giả, làm cư sĩ, thậm chí làm đồng nam, đồng nữ, v.v... Nghĩa là trong mọi tầng lớp xã hội đều có Bồ tát trong đó, không nên chấp vào một giới nào là siêu đẳng. Một đứa bé có đạo đức, chúng ta vẫn tôn trọng, vì có thể nó là Bồ tát tái sanh, điển hình như Lý Công Uẩn là đứa bé bị bỏ rơi ở cửa chùa, ai biết sau này, cậu bé ấy làm vua. Nhìn kỹ có đứa bé có đạo đức, có thông minh hay không, có làm lợi cho đời hay không, đó là ba tiêu chuẩn để chúng ta định vị là Bồ tát. Và thấy ông Thầy tu cũng căn cứ trên ba điều này. Và nhìn ra xã hội, thấy các trưởng giả, cư sĩ, vua chúa cũng có người đáng quý trọng. Phật pháp được hưng thịnh ở thời vua A Dục, còn vua chống phá đạo Phật thì làm sao đạo Phật tồn tại. Nhìn bề trong của vua A Dục để thấy được tư chất Bồ tát, nếu

không là người siêu việt không thể thống nhất được Ấn Độ, không là Bồ tát thì không làm được việc lớn. Hoặc thấy Bồ tát ở trong tâm của ông vua, ông tướng, như vua Trần Nhân Tông, tướng Lý Thường Kiệt.

Hòa thượng Trí Tịnh nói rằng các Thầy chứng trai có bao giờ nghĩ các vị quỳ ở dưới là Bồ tát hay không. Vì Pháp sự làm được phải có người có tấm lòng mộ đạo và hăng tâm hăng sản.

Khi tâm thanh tịnh, thấy Bồ tát ở siêu hình và nhìn cuộc đời này, ta cũng thấy họ, mới kính lễ họ. Hòa thượng Trí Thủ học với bác Lê Đình Thám, nhưng vẫn coi ông này là Bồ tát.

Nhìn theo kinh Pháp Hoa, từ thế giới thực đi vào thế giới tâm linh và từ tâm linh nhìn lại cuộc đời, coi ai ban vui cứu khổ thì ta coi là Bồ tát và họ làm được việc khó như Đức vua Trần Nhân Tông, hay Trần Hưng Đạo, ta kính trọng, coi họ là Phật, là Thánh. Vào Vô lượng nghĩa xứ định để thâm nhập được thế giới Bồ tát và trở lại cuộc đời, ta làm bạn, hay cầu học với các Ngài.

Ở giai đoạn các thập niên trước, đạo tràng chúng ta chưa có kinh Bốn môn Pháp Hoa. Chúng ta tụng kinh Pháp Hoa 28 phẩm là tu Tích môn, nhưng nương vào 28 phẩm này để tìm cốt lõi bên trong của kinh. Và đến thập niên 90, quý Thầy thuộc Nhật Liên tông của Phật giáo Nhật có dịp trao đổi với Thầy về Bốn môn. Qua pháp đàm như vậy, Thầy nhận ra được ý nghĩa Bốn môn, thì trong một thời gian rất ngắn, chỉ một tuần lễ Thầy đã biên soạn được 7 phẩm Bốn môn Pháp Hoa, mỗi đêm Thầy biên soạn được một phẩm do cảm được ý nghĩa sâu xa bên trong của 28 phẩm Pháp Hoa.

Từ việc tụng kinh Pháp Hoa 28 phẩm kết tinh lại thành 7 phẩm Bốn môn Pháp Hoa kinh, đó là tâm đắc của Thầy gặt hái được trên bước đường thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh. 7 phẩm Bốn môn Pháp Hoa mang ý nghĩa rất quan trọng.

A. CỐT LÕI CỦA PHẨM TỰA THỨ NHẤT

Phẩm Tựa thứ nhất chủ yếu nói đến vô lượng nghĩa, tức tóm lược tất cả các kinh của Phật đều nằm trong phẩm Tựa. Như chúng ta đã biết kinh của Phật nói là phương tiện, nhưng đưa chúng ta đến chỗ an lạc. Thật vậy, kinh Phật nhằm làm cho tâm chúng ta thanh tịnh và được an lạc là chính yếu. Dù ở hoàn cảnh nào cũng được an lạc, đặc biệt là tu Pháp Hoa, phải được an lạc trong khổ lụy trần gian, còn ở chỗ an mà được an là bình thường. Ở chỗ không an lạc, nhưng ta vẫn tìm được an lạc là sen trong bùn. Và khi tâm chúng ta an lạc và thanh tịnh được thì sẽ xuyên suốt 2500 năm để chúng ta tham dự được hội Pháp Hoa và xuyên vào tâm Phật để chúng ta nhận được Bốn Phật. Ý này tiêu biểu bằng hoa Mạn đà la và hoa Mạn thù sa.

Có hai loại hoa này, chúng ta thấy thông suốt được 18.000 thế giới, mới gặp được Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và Bồ tát Di Lặc. Hai vị Bồ tát này là cốt lõi của đạo Phật. Bồ tát Văn Thù tiêu biểu cho trí tuệ lý giải được tất cả mọi việc và Bồ tát Di Lặc tiêu biểu cho phước đức. Hai Bồ tát này kết hợp lại mới có Pháp Hoa.

Bồ tát Di Lặc nhiều đời chuyên làm phước đức, nên Ngài trở thành người tiêu biểu cho phước đức và lúc nào Ngài cũng cười thể hiện tâm vui và thanh thản.

Bồ tát Di Lặc là người làm duyên khởi cho Phật nói kinh Pháp Hoa và được Phật thọ ký thành Phật trong tương lai.

Tìm tương lai thấy Di Lặc ra đời và tìm quá khứ thấy có Văn Thù là kết hợp quá khứ và vị lai trong một niệm tâm tu của chúng ta. Khi tâm chúng ta thanh tịnh rồi, thì thu nhiếp được cả ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Ba đời chư Phật thuyết pháp sai biệt đều từ tâm thanh tịnh như hoa sen và từ trí sáng suốt. Nói cách khác, bước theo dấu chân Phật, chúng ta cần kết hợp tất cả giáo lý của Phật để phát huy trí tuệ của ta, mới thấy đúng và làm đúng, phước đức mới sanh ra. Nếu ta thấy việc cần làm mà không làm thì không có phước đức, còn làm sai thì bị đọa.

Từ phẩm Tựa thứ nhất là hạt Bồ đề thứ nhất tiêu biểu trên pháp y và đi đến phẩm Pháp Sư thứ 10, không có 8 phẩm ở khoảng giữa, vì chúng ta lướt qua các phẩm này để kết tinh thành phẩm Pháp Sư thứ 10 là hạt Bồ đề thứ hai trên pháp y.

B. CỐT LÕI CỦA PHẨM PHÁP SƯ THỨ 10

Cốt lõi của phẩm thứ 10 nằm ở ba việc chính cần nhớ để chúng ta tu. **Việc thứ nhất là Phật gọi cho chúng ta ý thức rằng Bồ tát thành xong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi sanh lại nhân gian là hành giả Pháp Hoa.** Chúng ta chưa thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà tự xưng là hành giả Pháp Hoa là đại vọng ngữ.

Chỉ có Phật Thích Ca là Bồ tát thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thương nhân gian sanh lại cuộc đời này để mở màn bí mật cho chúng ta hiểu là trong con người Ngài có ông Phật, nên thôi thúc tác động từ Phật bên trong đó, Ngài mới vượt thành đi tu thành Phật. Nếu không có sự thôi thúc này thì làm sao từ bỏ được quyền lợi thế gian, từ bỏ ngai vàng dễ dàng như thế.

Ông Phật bên trong thôi thúc thái tử Sĩ Đạt Ta bên ngoài rất quan trọng, khiến Ngài nghe được chư Thiên từ trong hư không nhắc nhở rằng:

Ngày nay tuổi đã lớn rồi

Sao không nhớ lại những lời nguyện xưa

Xin tu chứng đạo chơn thừa

Trần gian cảnh tục say sưa làm gì

Ngày còn lần lựa thế thì ...

Chúng sanh ngu dại ai vì bảo ban

Mau mau mở lối Niết bàn

Khêu đèn trí tuệ vén màn vô minh.

Nhờ có căn lành bên trong mới nghe được chư Thiên nói. Còn nghe ma quỷ nói thì dễ hơn nghe Phật, vì ma quỷ gần ta. Ta chết thành ma, ma sanh làm người.

Chúng ta nay mới phát tâm Bồ đề nghe được kinh Phật, điều này được Ngài Nhật Liên dạy rằng chúng ta giống như con chim trong lồng nghe con chim bên ngoài

hót mà muốn sổ lòng thoát ly ra khỏi sanh tử, tức con đường chúng ta đã chọn. Thấy Phật thành Phật và Ngài thương nhân gian sanh lại, nên chúng ta quyết chí tu theo Phật. Và có căn lành nhận ra điều này, mới rơi nước mắt nói rằng chúng ta ví như con rùa mù gặp bông cây nổi ở giữa đại dương mà bám vào được để lên bờ giải thoát.

Như vậy ý thứ nhất của phẩm Pháp Sư thứ 10 là Phật đã thành Phật và Ngài sanh lại nhân gian này. Chúng ta may mắn gặp Phật và nương được pháp phần nào thì được an lạc và giải thoát phần đó. Nghĩa là chúng ta tu hành có thăng tiến trên đường đạo và giáo lý Phật có công năng làm cho chúng ta sanh ra công đức lành và tiêu trừ phiền não. Đó là ý thứ nhất chúng ta bám vào.

Ý thứ hai trong phẩm Pháp Sư thứ 10 là ở trên cao nguyên đào giếng.

Chúng ta thấy rõ tất cả mọi người tu không giống nhau, vì vị trí phát xuất khác nhau. Có người ở trên cao nguyên đào giếng, có người ở bình nguyên đào giếng. Người sống gần sông thì lấy nước rất dễ dàng, tiêu biểu cho Bồ tát sống gần Phật, nên đạt được quả vị tu chứng một cách nhẹ nhàng. Hàng Thanh văn sống ở bình nguyên phát tâm tu là thấy Phật, như Ngài Thiên Thai, hay Nhật Liên Thánh nhân tuy sống cách Phật xa, nhưng phát tâm tu, 10 năm hạ thủ công phu là Ngài Nhật Liên đắc đạo.

Chúng ta tu lâu mà kết quả rất chậm là vì ở trên cao nguyên đào giếng. Chúng ta đến được đất ướt là mừng lắm rồi, vì đã có tiến bộ, không phải chết khát trong sa mạc. Thật vậy, nương vào kinh điển tu hành, ít nhất cũng có được công đức và tâm chúng ta cũng được an lạc trong mọi tình huống, dù giàu nghèo khổ vui. Như vậy là đã tới đất ướt, nên cảm thấy mát lòng một chút. Hoàn cảnh nào chúng ta cũng chịu đựng được. Vì vậy, đến đây chúng ta mới thực hành được

hạnh nhẫn nhục, ai nói gì cũng được, chúng ta cũng an là tới đất ướt. Còn lúc trước, chúng ta không chịu thua ai, không nhịn ai đâu, họ nói một, mình nói lại ba, đánh mình một, mình đánh lại ba. Sang Nhật học, Thầy cũng không chịu thua ai, nên học võ; nhưng học rồi thì không muốn đánh ai nữa, nghĩa là tâm đã chịu đựng được, đã tới đất ướt, đất bùn thì cái gì khổ nhục trần gian đổ lên, tâm mình cũng an lạc. Nhờ vậy, Phật lực mới gia bị, che chở, mới làm được việc bất tư nghi. Điều này khiến ta nhớ đến thí dụ ông trưởng giả và cùng tử. Sự thật mình không có khả năng, nhưng được Phật trao cho gia tài thì làm gì cũng được. Và nếu thật sự là cùng tử thì không dám tiêu xài phung phí, vì không phải của mình mà của Phật cho, mình chỉ làm tôi cho Phật. Nhưng được Phật giao cho làm là sung sướng rồi, Phật bổ xứ để chúng ta làm thì sẽ làm được những việc mà không bao giờ ngờ tới.

Khi chúng ta đến đất ướt, đất bùn là sắp đến nước, nên tinh tấn làm không thôi. Thầy đã 74 tuổi, vẫn cố gắng làm thêm để mót công đức để kiếp sau có điều kiện tu và làm được Phật sự. Bây giờ có điều kiện làm mà không làm, mai mốt muốn làm cũng không được. Nhẫn nhục tu hành và siêng năng làm việc được kinh điển tả là ra công đào giếng không ngừng nghỉ, nhất định sẽ tới nước.

Ý thứ ba của phẩm Pháp Sư thứ 10 dạy rằng muốn tu Pháp Hoa phải vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi tòa Như Lai.

Tòa Như Lai là tâm thanh thản, không còn phiền não bao vây, dù gặp việc khó hay dễ, chúng ta vẫn thanh thản, không biện minh. Thanh thản tu, thanh thản làm việc Phật không biết mệt mỏi. Khi nào lòng thanh thản thì được coi là hành giả Pháp Hoa.

Ngoài ra, khi tiếp xúc với người, hay đến đâu cũng vì lòng từ bi, không phải vì quyền lợi. Cái gì thôi thúc chúng ta đi? Nếu quyền lợi thôi thúc để chúng ta thọ nạn thì nhất định không đi; nhưng vì lòng từ bi dẫn thân, chúng ta sẵn lòng. Nếu được như vậy, Phật sẽ lấy y trùm cho mình. Thấy cảm nhận điều này rõ ràng, vào nhà Như Lai là có tâm từ thương xót chúng sinh mà làm, nên có lúc nguy hiểm Thầy vẫn làm, nhưng nhờ Phật trùm y nên vẫn được an lành và được người thương quý. Chỗ có quyền lợi mà vào thì mọi người đều không chấp nhận, nên chắc chắn có đấu tranh xảy ra.

Vì lòng từ bi, vì chúng sinh, sống chết cũng được, vì sau lưng ta đã có Phật. Nhưng nên nhớ rằng khi làm đạo, ta luôn đụng chạm với ác ma, tức đụng đến quyền lợi của người xấu; vì người xấu thì làm vì quyền lợi, cho nên chúng ta làm tốt là cắt mất quyền lợi của họ, tất nhiên họ phải thù oán ta. Như vậy, chúng ta luôn có hàng oán tặc bao vây, Ngài Nhật Liên gọi là có ba hạng người ác là tiếm Thánh tăng thượng mạn, đạo môn tăng thượng mạn và tục chúng tăng thượng mạn. Vì vậy, nếu không có Phật lấy y trùm để cứu, chúng ta không thể đương đầu nổi với ác ma. Ngài Nhật Liên đã từng trải qua kinh nghiệm này, Ngài tuyên dương chánh pháp đương nhiên đụng chạm đến tà pháp luôn nói sai. Đức Phật cũng vậy, trên bước đường truyền bá chánh pháp, Ngài cũng bị ngoại đạo thuê người vu họa và sát hại; nhưng hại không được, vì đã có chư Phật mười phương che chở Ngài và kẻ ác tự chuốc họa vào thân. Biết như vậy, chúng ta không cần quan tâm đến việc vu oan giá họa. Việc của chúng ta đúng mà đụng chạm đến quyền lợi người khác, chúng ta phải chấp nhận quả báo và phải mặc áo giáp nhu hòa nhẫn nhục. Gặp việc đáng giận, đáng buồn, nhưng ta không giận, không buồn, đó là cốt lõi của phẩm Pháp Sư thứ 10, cũng là cốt lõi của việc tu hành trong thời mạt pháp.

Chúng ta đến đâu cũng vì lòng từ bi, tới để giúp chứ không nhờ vả. Và có quyết tâm như vậy, họ xử sự thế nào, chúng ta cũng nhắm mục tiêu đó mà làm. Ngoài ra, tâm chúng ta luôn thanh tịnh; đối với tất cả mọi việc tốt xấu của trần gian, chúng ta bỏ ngoài tâm.

Có ba điều : nhà Như Lai, áo Như Lai và tòa Như Lai, Phật lực gia bị cho chúng ta được, thì dù ở chỗ vắng vẻ, Phật cũng khiến chư Thiên đến cúng dường, không cảm thấy cô đơn. Thực tế cho thấy người ẩn tu trên núi gần được chư Thiên, vì tâm thanh tịnh, chư Thiên mới đến cúng dường. Khi Phật tại thế, Ngài thuyết pháp có chư Thiên đến nghe, trong rừng đêm vắng, A Nan thấy những tia sáng trong rừng bay lên. Phật nói rằng vì tâm A Nan không thanh tịnh, nên chư Thiên sợ, bay về thế giới của họ.

Chúng ta tụng kinh Pháp Hoa, tâm lắng yên, chư Thiên, chư Thần tới; nếu có người ác đến hại thì chư Thiên sẽ giữ gìn chúng ta. Riêng Thầy cảm nhận được có Hộ pháp bảo vệ mình, nên không sợ và không chết. Hộ pháp long Thiên tuy vô hình, nhưng lại có kết quả thực tế. Thật vậy, khi người ác định giết mình, nhưng tự nhiên họ trở thành hiền, vì chư Thiên tác động tâm họ thay đổi.

Nếu tâm chúng ta không an ổn, Hộ pháp không giữ được, chúng ta sẽ thọ nạn. Giờ trước gặp nguy hiểm, nhưng không chết; giờ sau gặp nạn nhỏ lại không thoát được. Ý này người thế gian nói rằng đi sông đi biển không chết, nhưng chết lở chân trâu là gặp hoàn cảnh không đáng chết, nhưng chết, vì ta mất chánh niệm, không còn thanh tịnh, nên thọ nạn ở trường hợp không đáng bị nạn. Biết như vậy, khi ở trong hoàn cảnh không yên ổn, chúng ta cố gắng giữ chánh niệm; nhưng được yên ổn rồi, cần phải nỗ lực tu nhiều hơn, bấy giờ Phật huệ mới gia bị cho chúng ta, nên huệ sanh. Kinh nghiệm của Thầy lúc ở tù năm 1963, trước cái

chết, Thầy nhiếp tâm niệm Phật, trì kinh, được thoát nạn và ra tù, được tự do tu, Thầy phải gấp rút tụng kinh để thuộc lòng, tức phải tu nhiều hơn. Cố đem kinh của Phật để vô lòng, nhờ vậy, tâm sáng lần, tăng trưởng Phật huệ, thấy Phật, thì ai gần người như vậy, tâm được an và thấy hằng sa Phật.

Đi tìm đạo gặp Thầy hay chùa mà chúng ta cảm thấy an, thì nên theo. Nếu gặp bất an, nên bỏ đi. Phải tìm chỗ tâm chúng ta được an, tìm bạn mà tâm chúng ta được an để nương tựa. Còn người bất an tìm người bất an để tâm sự, cải vã, là biến chùa thành chợ, thì tu cái gì.

C. CỐT LÕI CỦA PHẨM TÙNG ĐỊA DỮNG XUẤT THỨ 15

Từ chỗ tâm chúng ta an, tâm chúng ta trụ định là bước qua thế giới của tâm, thế giới vô hình. Thế giới tâm mở ra, ta thấy không giống người thường thấy. Người đời thấy bằng mắt, khác với thấy bằng tâm. Thấy bằng mắt thì thấy thế giới của người tu không đẹp và khổ, nhưng thấy bằng tâm, hoàn toàn thấy vui và đẹp.

Bây giờ, bắt đầu đi vào thế giới tâm linh sẽ thấy khác. Kinh Nguyên thủy thấy Phật đến thôn Ưu Lầu Tần Loa, gặp Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp, rồi vào ở trong miếu thờ rắn và đến sáng có 500 đệ tử xin quy y với Phật. Nhưng thấy theo Tùng địa dũng xuất thì 500 người này là do Phật hành Bồ tát đạo, giáo hóa họ từ nhiều kiếp trước, không phải mới có. Cũng trên tinh thần này, hôm nay chúng ta gặp khó khăn, chống đối là vì nhân quá khứ chúng ta đã tạo.

Trụ chánh định, sanh trí tuệ, nên ta nhìn đời khác, thấy chỗ nên tới, người nên gặp. Chỗ không nên tới mà tới là thọ nạn, không nên gặp mà gặp là bị nguy hiểm, không nên nói mà nói thì chết chóc, tù đầy khó tránh.

Đức Phật độ năm anh em Kiều Trần Như và 55 thanh niên Da Xá, độ ba anh em Ca Diếp, vì những người này đã thọ ơn của Phật từ quá khứ. Năm anh em Kiều Trần Như tuy bề ngoài không ưa Phật, nhưng bên trong kính trọng Phật. Phật nói năm ông này trong kiếp trước làm người đánh cá đã giết Phật, nên họ hối hận, đi tu, đời nào cũng theo Phật. Ba anh em Ca Diếp cũng vậy, không phải tự nhiên họ bỏ ngoại đạo, điều đó không dễ chút nào, vì họ đang làm quốc sư mà bỏ theo Phật, không tiền, không danh lợi, không nhà cửa. Vua Tần Bà Sa La dâng thượng uyển cúng dường Phật cũng không dễ, toàn là những việc bất tư nghi.

Đại thừa nhìn thấy được sự thật là quá khứ những người này đã thọ ơn Phật, nên hiện đời thấy Phật là sanh tâm kính trọng. Vì vậy, nghĩa này là nghĩa Tùng địa dũng xuất, một đêm mà Phật giáo hóa được 1000 người. Những người này ở đâu ra? Thiết nghĩ độ được một người đã khó, huống chi 1000 người ngoại đạo chuyên chống đối Phật, nhưng lại phát tâm làm đệ tử trung thành của Phật.

Nhìn bề ngoài thì Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp nghĩ Phật đến để tranh giành quyền lợi, nên muốn sát hại Ngài. Tuy nhiên, mới gặp Phật, ngoài mặt ông đã thấy hình như quen, nhưng vẫn còn nghi ngờ. "Cái hình như" là cái quá khứ đã lưu trong ký ức của ông, nhưng tâm thanh tịnh của Phật đã tác động Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp làm cho ý xấu ác của ông rơi rụng. Ông mới khởi ý niệm Phật là Thánh, ông không phải là Thánh. Tâm của Phật đi thẳng vào tâm Bồ đề của ông khiến cho Phật tánh của ông bộc phát, nên nhận ra được Phật là Thầy của ông, ông có

được hiểu biết và uy đức như vậy là nhờ Phật dạy từ kiếp quá khứ, khiến ông sụp xuống lạy Phật. Việc này cũng không dễ và thể hiện sự giáo hóa theo Bồ tát Tùng địa dũng xuất. Trong kinh Pháp Hoa, phẩm thứ 15, Phật nói rằng những Bồ tát này do Ngài giáo hóa là giáo hóa từ kiếp trước, không phải mới giáo hóa mà được dễ dàng như thế. Thực tế chúng ta thấy những đứa con do cha mẹ sanh ra mà cha mẹ còn không dạy được và việc dạy học trò cũng khó. Vậy mà chúng ta thấy Đức Phật giáo hóa thật đơn giản vì Ngài giáo hóa họ từ nhiều đời đã thuần thục, nên nay gặp lại Phật, họ sanh tâm quý trọng liền. Điều này gợi nhắc chúng ta tìm được Thầy hiền bạn tốt là ta kính trọng ngay. Từ quá khứ tốt mới dẫn đến hiện tại tốt, còn kết duyên với việc xấu sẽ dẫn đến quả báo xấu. Cho nên chúng ta phải cố tránh, vì con đường đến quả vị Phật còn xa, việc phải làm còn nhiều, không nên hơn thua với họ mà làm mất cơ hội, trễ chuyển đồ. Người thế gian cũng thường nói rằng tránh voi chẳng xấu mặt nào. Gặp voi say rượu mà đụng vô, làm sao sống nổi. Những người hung dữ là ác ma, chúng ta phải tránh. Tìm người đồng hạnh đồng nguyện để làm bạn cùng tu.

Phật nói trong kiếp quá khứ tu hành, Ngài có bốn việc đặc biệt và người nào làm bốn việc đó là bạn của Ngài. Ngài và họ gặp nhau ở bốn việc như sau. Một là ưa làm việc khó làm, người khác không dám làm, nhưng ta dấn thân. Ta luôn chuẩn bị tư thế làm việc khó, vì như vậy dễ sanh được công đức và được người quý trọng. Bồ tát có hạnh này gọi là **Thượng Hạnh Bồ tát**. Hai là gặp việc lớn hay nhỏ đều làm, việc gì cũng làm là **Bồ tát Vô Biên Hạnh**. Điển hình như Đức Phật trên đường du hóa độ sanh, Ngài đã xỏ kim cho bà già bên vệ đường, lúc đó không làm việc này mà đòi hỏi việc khác sao có được. Chuẩn bị tư thế ở đâu mình cũng làm được. Ba là tâm luôn thanh tịnh, đừng để ý xấu nổi dậy, là tinh thần của **Bồ tát Tịnh Hạnh**. Và bốn là hoàn cảnh nào cũng chấp nhận là **Bồ tát**

An Lập Hạnh. Cần làm Phật, Bồ tát làm Phật, cần Thanh văn, làm Thanh văn, cần đóng vai người gánh phân, làm thuê cũng làm; nghĩa là Bồ tát không lệ thuộc việc nào, vì Bồ tát hiện hữu trên cuộc đời để cứu giúp chúng sinh, tạo công đức. Phật khuyên chúng ta nên gần gũi bốn hạng người này.

Bồ tát Tùng địa dũng xuất là Bồ tát từ tâm hiện ra, tức tâm chúng ta có bốn đức tánh này thì sẽ gặp những người tương ưng như vậy. Hạt Bồ đề thứ ba là chúng ta có bốn Bồ tát đồng hạnh nguyện trợ lực tu hành, nhờ đó chúng ta mới thấy được Như Lai thọ lượng.

D. CỐT LÕI CỦA PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG THỨ 16

Yếu chỉ của phẩm 16 là Đức Phật xuất hiện trên cuộc đời và nhập diệt là Phật Thích Ca, tức ứng hóa thân của Phật. Từ đâu Phật xuất hiện? Phật cũng là người, nhưng cốt lõi tâm linh bên trong chắc chắn khác mọi người. Chúng ta thường tụng là thiên bá ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca là năng nhơn, tức con người vạn năng làm gì cũng được. Mâu Ni là tịch mặc, tức tâm lắng yên. Hiểu yếu nghĩa này, chúng ta tìm Phật trong nhân gian là tìm người có tâm lắng yên, tức họ trụ định, gặp việc đáng giận đáng buồn, họ không giận không buồn, gặp việc đáng ham muốn, họ không ham muốn.

Tìm Phật vô hình không được, nhưng tìm ngay trong nhân gian, tìm được người nào có tư chất như vậy thì đó là hóa Phật. Thích Ca nghĩa là năng nhơn, tức người làm được tất cả mọi việc, chúng ta theo họ, sẽ không bị rơi vô không tưởng. Và những người làm được việc khó, nhưng tâm thanh thản, thì họ là ứng hóa thân của Phật. Người Tây Tạng coi Lạt Ma là Phật sống, vì tâm họ lắng yên và không từ chối bất cứ việc gì lợi ích cho chúng sinh.

Đức Phật Thích Ca hiện hữu trên cuộc đời này là ứng thân Phật. Còn hóa thân Phật thì không lâu dài; vì khi tâm lắng yên, chúng ta làm như Phật, nhưng tâm vọng động nổi lên, Phật biến mất. Thực tế có người rất minh triết, nhưng đến lúc khác, họ không còn được như vậy là Phật nhập diệt. Tâm ta lắng yên, Phật hiện vào; nhưng tâm vọng động, ta trở về trạng thái phàm phu, hay lúc đó ta khởi tâm quý thân thì ta là quý thân.

Ngài Nhật Liên dạy rằng Phật Thích Ca là một ứng thân của Phật trên nhân gian, ta nhìn hay nghe Phật Thích Ca mà thấy được tâm của Ngài là đã gặp được Bốn Phật nằm bên trong Phật Thích Ca. Còn ta chỉ theo thân tứ đại của Phật Thích Ca thì Phật đó đã nhập diệt rồi.

Có thể hiểu rằng Phật ở lâu trên cuộc đời này là Ngài hiện hữu trong một đời. Phật xuất hiện trong thời gian ngắn nhất là một niệm tâm. Vì vậy, người tu tìm bạn tri thức thấy họ xấu, nhưng họ có một niệm tâm tốt thì chúng ta phải nuôi dưỡng niệm tốt này cho tốt thêm. Còn những niệm xấu của họ, chúng ta loại ra khỏi tâm mình.

Nhận chân được yếu nghĩa của hóa Phật như vậy, chúng ta coi tất cả người tu theo Phật đều là hóa Phật, nhưng chỉ là Phật trong một niệm tâm mà thôi. Ví dụ giờ trước khởi tâm thích cúng dường, nhưng giờ sau không cúng nữa là Phật đã nhập diệt. Vì vậy, Phật hiện hữu hay nhập diệt là tùy ở tâm của hành giả.

Chúng ta tu Pháp Hoa, cần **quan hệ với Như Lai thọ lượng là Phật bất sanh bất diệt, nhưng phải căn cứ trên Phật hiện tượng để truy nguyên về Phật gốc này**. Tuy nhiên, cũng phải có bản tâm thanh tịnh mới gặp được Phật gốc. Tâm chưa thanh tịnh thì thấy Phật sanh diệt, nhưng tâm thanh tịnh là tâm

trí lắng yên, vào Thiền định, chúng ta tiếp cận được Phật Di Đà có thọ mạng dài lâu đến mười kiếp.

Từ Phật Thích Ca xuất hiện 80 năm trên cuộc đời này rồi Ngài nhập diệt và nương vào giáo pháp của Ngài, chúng ta đi xa hơn, tiếp cận được chư Phật mười phương là bước thứ hai. Chư Phật mười phương do Phật Thích Ca nói trong kinh và do Phật chỉ cách chúng ta tiếp cận. Tiếp cận bằng cách nào?

Trong phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16 có **thí dụ lương y và cùng tử**. Chúng ta là cuồng tử, Phật Thích Ca là lương y. Ngài tìm thuốc chữa bệnh cuồng của chúng ta là phiền não, nghiệp chướng và trần lao. Tâm chúng ta không lắng yên được, vì phiền não. Người phiền não là người bực tức, tham lam thì nên dùng thuốc diệt tham lam, bực tức. Không có thì giờ đi chùa tu học là trần lao, vì sanh trong gia đình nghèo, phải làm việc cực khổ hoài, không có thì giờ tu. Người như thế sanh ra là để trả nợ thì tu cách nào. Phật dạy Tứ Thánh đế để phá bỏ lòng tham. Lòng tham chúng ta quá nhiều, chứ không phải nhu cầu vật chất cần nhiều như chúng ta tưởng. Người ở nhân gian chỉ nghĩ đến cơm áo gạo tiền, nên không bao giờ rảnh rỗi, thì có thuốc trị là xuất gia, ôm bình đi khát thực. Phật thể hiện hạnh khát thực, Ngài vẫn sống ung dung tự tại. Trong khi chúng ta còn tiền để sống, nhưng lo xa, nên nghĩ rằng không có thì giờ để tụng kinh, lạy Phật, đó là trần lao. Người giàu có thường làm nô lệ cho vật chất và chết thành quỷ giữ của. Thuốc Tứ Thánh đế phá bỏ được trần lao. Trừ nghiệp chướng là chúng ta dứt trừ được ba nghiệp của thân khẩu ý, nên tâm lắng yên. Tâm không lắng yên thì không thấy chư Phật mười phương, làm sao thấy được Bốn Phật. Ngài Nhật Liên từng thể nghiệm pháp này. Ngài nhập định 100 ngày thì thấy mười phương

Phật và thấy Bốn tôn, Bốn Phật là Đức Tỳ Lô Giá Na. Và từ Tỳ Lô Giá Na xuất hiện thành Phật mười phương giáo hóa chúng sinh, mới có ứng thân Phật.

Tăng Ni và Phật tử nào có niệm tâm thanh tịnh hướng về Phật, được coi là hóa Phật. Từ đó chúng ta tu hành miên mật, hướng về chư Phật mười phương và tìm được Bốn Phật. Bốn Phật không nhập diệt và bất sanh bất diệt; cho nên ta tới được với Đức Phật đó, ta cũng trở thành bất sanh bất diệt, thì lúc đó, ta không sợ sống hay chết của cuộc đời. Vì ta đã là hóa Phật, thay Phật làm lợi ích chúng sinh; cho nên sống làm đạo, chết về Phật. Đó là ý nghĩa phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16 thể hiện thành hạt Bồ đề thứ tư trên pháp y của đạo tràng chúng ta.

E. CỐT LÖI CỦA PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC THỨ 17 tiêu biểu bằng hạt Bồ đề thứ 5.

Phẩm 17 ghi rằng khi Phật nói thọ mạng dài lâu của Ngài thì có vô số Bồ tát chứng được vô sanh pháp nhẫn, hoặc văn trì đà la ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển được pháp luân bất thối và phát đại tâm cầu Vô thượng đạo.

Nghĩa là Phật nói Phật thọ mạng dài lâu mà ai nghe và chấp nhận, tin hiểu được, sẽ đạt được điều đơn giản nhất là văn trì đà la ni, tức nghe, nhớ và hiểu rõ, không quên. Hơn thế nữa, được nhạo thuyết biện tài thì giảng nói một chữ cả đời không hết, người nói không mệt, người nghe không chán. Bồ tát tu Pháp Hoa đúng pháp chắc chắn có được những điều mà người bình thường không có.

Và sau đó, trời mưa hoa, thiên y, bảo cái cúng dường Phật. Thật vậy, chúng ta tu hành không có gì, nhưng thành tựu pháp thì không thiếu bất cứ thứ gì. Vì vậy,

đến được sở đắc của phân biệt công đức, sẽ tạo được tất cả những gì ở cuộc đời này, nhằm chỉ cho những gì quý báu Phật đều có đầy đủ.

Riêng chúng ta không đạt được như Phật, mà chỉ được một điều nhỏ là chúng ta **sinh được một niệm tín giải đã được nhiều công đức**, đó là ý chính thứ nhất của phẩm 17.

Một niệm tín giải là khi đọc tụng kinh Pháp Hoa, chúng ta tin kinh và tin lời Phật dạy là chúng ta đã có căn lành, vì đây là việc khó tin, khó hiểu. Và từ niềm tin dẫn chúng ta đi xa hơn để hiểu được nghĩa lý sâu xa hơn, là tín giải. Tin nhưng không giải được, dễ bị mê tín. Giải mà không tin là theo thế tục. Vì vậy, người học giỏi, giảng hay, nhưng họ không phải là người tu, không được giải thoát.

Hiểu và giải được những điều mình tin tưởng, sẽ được công đức vô lượng vô biên nhiều hơn công đức của người bố thí, trì giới, nhẫn nhục trong 80 muôn na do tha kiếp. Như vậy, có được một niệm tín giải, chúng ta được công đức bất khả tư nghĩ.

Nếu hiểu ý nghĩa thọ lượng của Như Lai là hiểu từ một Phật trong một niệm tâm cho đến chư Phật mười phương và sâu xa hơn cả là nhận chân được Phật bất sanh bất diệt, chúng ta mới có thể sanh Phật huệ Nhứt thiết chủng trí, lại có thể thấy Thích Ca Như Lai ở Kỳ Xà Quật thuyết pháp giáo hóa chúng đại Bồ tát và thấy thế giới Thật báo của Lô Xá Na. Nghĩa là từ một niệm tâm thanh tịnh dẫn chúng ta đến hội Pháp Hoa, thấy Phật Lô Xá Na là Phật Báo thân. Nếu thấy như thế thì không cần xây chùa tháp cúng dường.

Ý này nhằm chỉ rằng người thấy Thật báo Lô Xá Na chính là Thích Ca Như Lai. Còn chúng ta mới phát tâm tu hành, cần phải xây tháp, cúng dường, lễ bái,

v.v..., cho nên nghĩ chúng ta là Phật là tăng thượng mạn, sẽ bị đọa sâu. Ở đời sau, thấy Thích Ca Như Lai ở Kỳ Xà Quật thì chỉ có Ngài Trí Giả thấy, chúng ta chưa tới chỗ này

Chúng ta tu phát xuất từ niềm tin chân chánh và giải theo niềm tin là một niềm tâm này dẫn chúng ta vào đạo. Và được như vậy, chúng ta **tiến xa hơn một bước nữa, đi vào được thế giới Phật, mới thấy Đức Phật Thích Ca đang thuyết pháp giáo hóa chúng đại Bồ tát ở Kỳ Xà Quật; đó là ý thứ hai quan trọng trong phẩm 17.**

Thấy Phật Thích Ca là thấy ý nghĩa năng nhen, tức Ngài làm được việc mà người khác không làm được. Cho nên người ta gọi Phật là đấng toàn năng, làm được việc khó làm nhất, đó là phá vỡ truyền thống phân chia giai cấp có từ bao đời ở Ấn Độ. Phật đã khiến vua chúa phải đánh lễ người thuộc giai cấp nô lệ là việc cực kỳ khó làm thời bấy giờ mà Phật đã làm được. Phật bảo vua Ba Tư Nặc phải đánh lễ người hốt phân Sunita. Như vậy, chúng ta thấy Thích Ca Như Lai là thấy được lực vạn năng của Phật. Cho nên, khi chúng ta tìm Thích Ca Như Lai trên cuộc đời này mà chưa thấy, chúng ta tìm người có năng lực gần như Thích Ca.

Thích Ca Như Lai là người giáo hóa được đại Bồ tát, không phải người thường. Đại Bồ tát chỉ cho Bồ tát Tỳ kheo xuất. Chúng ta tìm Thích Ca Như Lai và tìm đại Bồ tát là quyến thuộc của Ngài để coi Thích Ca Như Lai giáo hóa đại Bồ tát như thế nào, ta theo. Giáo hóa đại Bồ tát Tỳ kheo xuất là giáo hóa những hàng Bồ tát có năng lực phi thường là Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh và An Lập Hạnh. Nghĩa là Phật có khả năng làm cho mọi người thanh tịnh, làm cho người thích làm việc khó, trái với người đời chỉ thích hưởng thụ. Theo Đức Thích Ca thì ở hoàn cảnh nào cũng được, việc nào cũng làm và tâm luôn

thanh tịnh. Vì vậy, Đức Phật tạo thành thế giới Thật Báo Lô Xá Na kết tinh bằng phước đức và trí tuệ và Bồ tát được giáo hóa cũng là người có phước đức và trí tuệ, không phải là phàm phu. Từ thế giới phàm phu, chúng ta đi lần vào thế giới của đại Bồ tát, mới thấy được thế giới Thật Báo của Lô Xá Na.

Phật có ba thế giới. Một là Ngài xuất hiện ở Ta bà đầy khổ lụy, vì thương nhân gian mà Ngài sanh lại thế giới này để giáo hóa người hữu duyên là Phật Thích Ca. Và từ Phật sanh diệt này, chúng ta nương theo để bước vào thế giới Thật Báo, còn Ta bà là thế giới phương tiện, không phải thế giới thật, chỉ là quán trọ của chúng ta trong đêm dài sanh tử mà thôi. Vào nhà ngủ uẩn có thân phải có khổ, nên thân mạng chấm dứt thì khổ cũng chấm dứt. Phật có khổ thân, nhưng không có khổ tâm. Còn người phàm phu, thân chưa khổ, nhưng tâm đã thọ khổ, gọi là ngồi trên đống vàng mà như ngồi trên đống lửa. Thân chưa khổ, nhưng tâm khổ là tâm đã vào địa ngục, thì chết là vào đó liền. Còn Phật Thích Ca và Bồ tát thân khổ, nhưng tâm không khổ, nên các Ngài bỏ thân là vào Niết bàn. Ví dụ Bồ tát Quan Âm bị hất hủi, thân khổ, nhưng tâm là Bồ tát làm việc khó làm là không cần nói ra điều oan ức. Các Bồ tát lớn làm việc khó, nên có việc khó, các Ngài xuất hiện và hết việc khó, các Ngài ra đi, không kẹt phú quý lợi danh. Hiểu yếu lý này, chúng ta tìm người như vậy để theo học. Trong hoàn cảnh khó, chúng ta mới thấy có người tài đức xuất hiện.

Thế giới Thật Báo Lô Xá Na có Phật và các Bồ tát lớn theo trợ hóa Ngài. Nếu không như vậy, làm sao Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp bái được Sa môn Cổ Đàm không có tài sản gì cả.

Thấy được thế giới Thật Báo thì không cần xây chùa tháp cúng dường, vì xây chùa tháp chỉ là mới phát tâm tu phước. Đến thế giới Thật Báo, thấy rõ tâm

chúng ta thế nào thì thế giới đó hiện ra như vậy. Cho nên Phật và Bồ tát chỉ lo xây dựng phước đức và trí tuệ. Các Ngài làm bằng phước đức như Phật Di Đà xây dựng thế giới Cực Lạc bằng phước đức vô lượng. Có phước đức thì phước đức tự tạo cảnh giới mà Phật dạy rằng chánh báo đến đâu, y báo đến đó. Nếu mạng là ăn may thì không có tiền, nhưng có tiền phải bị cướp mất, không giữ được. Tài sản hợp pháp được luật pháp bảo vệ, còn không có phước, hay luật pháp không công nhận, không bảo vệ mà muốn giữ sẽ mất mạng như không. Người có trí biết giữ không được phải buông, thì còn sống được.

Bồ tát xuất hiện hay biến mất trên cuộc đời này đều có ý nghĩa. Điển hình như Bồ tát Quảng Đức chọn cách ra đi rất đẹp đến độ người ta phải ca ngợi rằng chỗ Ngài ngồi là một thiên thu tuyệt tác. Ngày nay, chúng ta thấy chỗ đó là công viên đẹp. Ngài chọn cái chết rất ý nghĩa, nên Ngài sống mãi trong lòng Tăng Ni và Phật tử.

Thấy được thế giới Thật Báo và tu trong thế giới này, nên không xây dựng chùa, nhưng xây dựng công đức và phước báo thì tất cả vật chất tự tạo thành. Thật vậy, Thầy vừa dự lễ khánh thành chùa Thanh Lương ở miền Bắc. Vì chiến tranh, chùa đó chỉ còn cái nền, nhưng con cháu nhờ hưởng phước của tổ tiên ông bà, nên có một người cháu đời thứ 13 của họ Phạm ra nước ngoài sinh sống, giàu có. Anh này trở về làng xây dựng trường dạy nghề để tạo công ăn việc làm cho dân địa phương và anh cũng phục hồi ngôi chùa của Tổ, đã chi ra số tiền từ 100 đến 200 tỷ. Người có phước báo làm chùa lớn lao như vậy một cách dễ dàng. Người không phước xây một cái am cũng khó, không phước nữa thì mua miếng đất nhỏ cũng bị quy hoạch. Người có phước báo xây chùa bằng phước báo, nên không mệt mỏi. Không phước báo, dùng thủ đoạn cũng không được gì.

Hành giả tu Bốn môn Pháp Hoa cố gắng vào thế giới Thật Báo để biết được nên làm gì, không nên làm gì. Không biết thì dễ chuốc họa vào thân. Biết thì tìm đường giải thoát.

G. CỐT LÕI CỦA PHẨM PHỔ MÔN THỨ 25.

Tụng phẩm Phổ Môn khác với tu phẩm Phổ Môn. Vô Tận Ý Bồ tát hỏi Phật tại sao gọi Bồ tát là Quan Âm. Phật nói rằng Bồ tát này thường quan tâm tới người xung quanh, lo cho mọi người. Tu hạnh Quan Âm, chúng ta phải lo cho người trước, lo cho mình sau. Lo cho thiên hạ nhiều, thì thành tựu công lớn. Đức Thánh Trần viết Binh thư yếu lược, Thầy thấy trong đó thể hiện hạnh Quan Âm. Ông ra lệnh quân sĩ chưa ăn xong, tướng phủ không được nổi lửa. Ông lo cho quân sĩ ăn no, họ mới thương tướng lãnh và hết lòng với ông. Hành quân băng qua sông, tướng phải lội sông đi trước, như vậy để thấy sự mệt nhọc của quân, mới thương quân và quân mới thương tướng. Tướng Trần Hưng Đạo thành công vì biết lo cho người dưới tướng.

Bạn tốt với ta hôm nay là bạn tốt từ kiếp quá khứ, nên hiện đời gặp lại quý mến ta. Bạn tốt hôm nay, phải trân trọng, đừng vì quyền lợi mà biến họ thành bạn xấu. Thầy thấy nhiều người phạm sai lầm này, không biết trân trọng, bảo vệ cái tốt của bạn là tự phá hủy mối quan hệ tốt đẹp không phải dễ có. Trân trọng bạn tốt đời này để đời sau còn làm được việc lớn. Hoặc người không tốt không xấu với ta, nghĩa là mối quan hệ giữa ta và họ ở quá khứ chưa có. Như vậy ta phải làm sao gieo vào lòng họ một ý niệm tốt bằng việc làm nào đó. Ngoài ra, đối với những người thù nghịch, chúng ta phải chuyển đổi thành người hợp tác, thể hiện

ting thần cao thượng. Điển hình như vua Trần Nhân Tông đã làm hạnh này. Đối với những người phản bội vua, đầu hàng giặc, khi vua thắng giặc xong, ông không truy cứu họ, mà đốt bỏ tờ biểu đầu hàng giặc của họ.

Việt Nam ta có được một vị vua trở thành Thầy tu đặc đạo là Đức vua Trần Nhân Tông mà muôn đời nhân dân ghi nhớ. Và cũng có một Thầy tu trở thành vị vua có công lớn với đất nước là Lý Công Uẩn, tức vua Lý Thái Tổ. Hai vị này là biểu tượng đẹp của Phật giáo Việt Nam. Thầy tu muốn làm vua phải làm như Lý Công Uẩn và vua muốn đi tu phải như vua Trần Nhân Tông.

Học phẩm Phổ Môn, Phật dạy chúng ta tu Pháp Hoa xuất hiện trên cuộc đời, phải hành Bồ tát đạo theo Quan Âm, nghĩa là đi vào đời, sen nở khắp muôn nơi. Noi theo gương Quan Âm, sống trong hoàn cảnh nào cũng được, làm gì cũng được, miễn có lợi ích cho nhiều người và lợi ích lâu dài. Còn lợi hiện tại mà khổ lâu dài thì phải tránh xa. Đến đây, chúng ta có hạt Bồ đề thứ 6 trên pháp y.

H. CỐT LÕI CỦA PHẨM PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT THỨ 28

Đến đây là hạt Bồ đề thứ 7 trên pháp y mở ra hai hướng. Một là từ quả hướng nhân là Phật đã thành Phật vì thương nhân gian sanh lại thế gian này để cứu khổ độ sanh. Và hai là Bồ tát từ nhân hướng quả.

Chúng ta thường nương vào sự gia bị của Bồ tát lớn để có thể hành đạo trên nhân gian này. Riêng Thầy làm được việc gì cũng nghĩ là nhờ lực Phổ Hiền gia bị, vì khả năng của mình không bao giờ làm nổi. Ví dụ như việc dời tượng Quan Âm của chùa Huệ Nghiêm 2 đến vị trí mới, mà tượng thì quá nặng và lại đặt ở chỗ

cao, không biết làm sao dời đi được. Trong lúc khó như vậy, Thầy gặp một anh cho mượn xe cẩu 120 tấn để dời tượng. Thầy tin là Bồ tát Phổ Hiền khiến cho người đến làm. Anh này không phải thợ, nhưng làm được cái cửa và nay anh có một chiếc xe cẩu 120 tấn đang làm ở chỗ khác, nhưng họ cho anh đem xe về để bảo dưỡng. Tượng Quan Âm nặng 30 tấn, mà sức cẩu đến 120 tấn thì Thầy an tâm. Việc tự nhiên xảy ra như vậy. Thầy nghĩ tạc tòa sen mới cho cân xứng với pho tượng Quan Âm, thì tìm được hòn đá chở về đến chùa Huê Nghiêm đã khó rồi, mà hòn đá nặng đến 70 tấn. Thầy gọi thợ trước kia đã làm tòa sen, anh ta nói chi phí 170 triệu. Thầy chưa làm thì lại gặp một người thợ khác, tay nghề khéo hơn mà chỉ tốn 50 triệu, làm tòa sen đẹp hơn tòa sen cũ nhiều. Đây là lực gia bị của Phổ Hiền. Gặp việc khó không giải quyết được, ta cầu nguyện Phổ Hiền gia bị là Ngài khiến người có khả năng tới. Thầy nguyện ai có nhân duyên, Phật khiến họ hợp tác, ai phá hại, Hộ pháp long thiên đưa đi, Thầy không đuổi.

Ta luôn an lạc, vì có Phổ Hiền gia bị thì lo gì. Việc khó có Bồ tát lớn lo. Ta lo không được thì đừng lo, để tâm chúng ta lắng yên để thấy đúng và theo cái thấy đúng đó mà làm, việc sẽ tự thành tựu dễ dàng.

Pháp y hiện nay của đạo tràng Pháp Hoa có dấu hiệu là 7 hạt Bồ đề, còn 8 cánh sen cũ, chúng ta cho rụng. Pháp y chia làm 3 loại. Loại pháp y thứ nhất là Cứu mạng y. Có pháp y, chúng ta hoàn toàn tin tưởng Phật che chở, hộ niệm chúng ta và cũng có Hộ pháp long Thiên giữ gìn chúng ta. Nhiếp tâm trong giáo pháp Phật, việc hành trì chủ yếu của chúng ta là tu 7 phẩm Bốn môn Pháp Hoa, thuộc lòng 7 phẩm này và gặp từng việc, chúng ta hành động tương ứng theo lời dạy trong kinh, thì sẽ vượt được tất cả các chướng duyên.

Tuy nhiên, nếu có quá trình tu thật trong khoảng một thời gian sẽ nhận được kết quả tốt đẹp; trong khi người tu giả đến 10 năm cũng không đạt được tiến bộ tâm linh, đạo đức cũng không có và cũng không có sức cảm hóa người.

Nếu tu thật, họ có được sự phát triển đời sống tâm linh, nên đạo đức trong sáng, khiến người thấy muốn gần gũi để cùng tu hành. Vì vậy, ta sẽ có nhiều người bạn tốt; vì ta tốt, không có ý định lợi dụng ai, nên người dễ gần gũi, dễ làm bạn với ta. Còn người chấp từng lời nói, từng hành động, họ rất phiền phức, nên không ai muốn gần gũi họ.

Người tu Bốn môn Pháp Hoa đeo pháp y đai vàng, nghĩa là sống trong cốt lõi của kinh, người thích gần gũi, lần hiện tướng giải thoát, nên xin đổi y thứ hai là Giải thoát y phía dưới có đai màu trắng. Mang y này, chúng ta đã giải thoát, thanh thản, bạn thích gần gũi, vì cảm thấy an vui. Ta có lỗi lầm, người cũng không chấp; đó là tiêu biểu của người có pháp y đai trắng dành cho người có tâm hồn trong trắng, giải thoát. Vì vậy, nếu người nào đeo y này mà còn rắc rối, không giải thoát, không trong trắng, thì phải tự xấu hổ, phải nỗ lực tu nhiều hơn để được giải thoát.

Và được giải thoát rồi, tiếp tục tu hành, người muốn gần gũi ta, tới với ta, ta phải lo cho họ, dìu dắt họ trên bước đường tu. Đó là sang giai đoạn ba có Phước điền y, tức là làm phước, lo cho người, chỉ nghĩ tới người, không nghĩ tới mình, thì người được lo sẽ chết sống với mình.

Tu đến giai đoạn ba thể hiện tinh thần vô ngã vị tha, lo cho người và lo cho đạo pháp, quên mình, là đỉnh cao của Bốn môn Pháp Hoa. Vì vậy, những người thọ y

nâu mà chưa làm phước cho ai, chưa cứu giúp ai, phải xấu hổ, phải cố gắng, không cứu được người cũng cứu được con vật nào đó.

Có lần Thầy vào nhà vệ sinh thấy con gián rớt xuống hầm cầu, thầy cứu nó, vớt nó lên. Việc lớn không làm được cũng nên làm việc nhỏ, hay thấy miếng ván có đinh để giữa đường đi, ta dẹp bỏ để người khác không bị đập trúng. Những việc chúng ta làm đều phát xuất từ lòng đại bi, luôn làm lợi ích cho cuộc đời, từ việc nhỏ, không cứ nhất thiết làm việc lớn. Cứu giúp được con vật nhỏ, kiếp sau gặp lại, chắc chắn nó thương ta, vì ta làm từ tấm lòng của mình đi thẳng vào lòng nó. Súc vật không nghe được tiếng người, nhưng nó tiếp nhận được tiếng lòng phát xuất từ tâm đại bi của ta.

Hành giả tu Bốn môn Pháp Hoa phát tâm Bồ đề hành Bồ tát đạo, từ việc nhỏ đến việc lớn, đều siêng năng làm lợi cho số đông, làm từ một ngày cho đến làm trong nhiều kiếp, tích lũy thành phước đức để đạt được quả vị Phật.

3. TUẦN THỨ BA CỦA MÙA TU GIA HẠNH PHỔ HIỀN: TỤNG CÁC BÀI KỆ TỔ VÀ KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC.

Đạo tràng Pháp Hoa tụng các bài kệ tán thán hạnh đức của chư vị Bồ tát và chư vị Thánh La hán mà các chúng trong đạo tràng đã tôn thờ các Ngài là vị Tổ của mình. Các bài kệ này do Thầy cảm tác. Sau đó, tụng kinh Bát Đại Nhân giác nói về 8 điều giác ngộ của Đức Phật để nhắc nhở các Phật tử ghi nhớ và thực hành 8

điều mà Đức Phật Thích Ca đã thành tựu trên lộ trình tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

III. Kết luận

Tóm lại, trong mùa tu gia hạnh Phổ Hiền, mỗi Phật tử trong đạo tràng Pháp Hoa cần nỗ lực tinh tấn tu hành, trên là nương nhờ gia trì lực của Đức Phật và chư Bồ tát, cũng như nương theo lời chỉ dạy của Thầy, để khai tâm mở trí. Cứ mỗi mùa tu gia hạnh, chúng ta ít nhiều được thăng hoa tri thức và đạo đức và càng trải qua nhiều mùa tu gia hạnh, thì cuộc sống chúng ta càng được giải thoát, giác ngộ, đồng thời cũng làm được nhiều việc lợi ích cho xã hội, cho đạo pháp.

Hành trang tốt đẹp đó sẽ nuôi lớn căn lành của chúng ta để đời đời kiếp kiếp được làm quyến thuộc Bồ đề của Phật, của Bồ tát và của Tổ sư. Đó cũng chính là bốn hoài của Đức Phật, của chư vị Bồ tát, của chư vị Tổ sư; vì các Ngài hiện thân trên cuộc đời này chỉ nhằm mục tiêu duy nhất là cứu khổ độ sanh vậy.

*****III. Kết luận**

Tóm lại, trong mùa tu gia hạnh Phổ Hiền, mỗi Phật tử trong đạo tràng Pháp Hoa cần nỗ lực tinh tấn tu hành, trên là nương nhờ gia trì lực của Đức Phật và chư Bồ tát, cũng như nương theo lời chỉ dạy của Thầy, để khai tâm mở trí. Cứ mỗi mùa tu gia hạnh, chúng ta ít nhiều được thăng hoa tri thức và đạo đức và càng trải qua nhiều mùa tu gia hạnh, thì cuộc sống chúng ta càng được giải thoát, giác ngộ, đồng thời cũng làm được nhiều việc lợi ích cho xã hội, cho đạo pháp.

Hành trang tốt đẹp đó sẽ nuôi lớn căn lành của chúng ta để đời đời kiếp kiếp được làm quyến thuộc Bồ đề của Phật, của Bồ tát và của Tổ sư. Đó cũng chính là bốn hoài của Đức Phật, của chư vị Bồ tát, của chư vị Tổ sư; vì các Ngài hiện thân trên cuộc đời này chỉ nhằm mục tiêu duy nhất là cứu khổ độ sanh vậy.

***III. Kết luận

Tóm lại, trong mùa tu gia hạnh Phổ Hiền, mỗi Phật tử trong đạo tràng Pháp Hoa cần nỗ lực tinh tấn tu hành, trên là nương nhờ gia trì lực của Đức Phật và chư Bồ tát, cũng như nương theo lời chỉ dạy của Thầy, để khai tâm mở trí. Cứ mỗi mùa tu gia hạnh, chúng ta ít nhiều được thăng hoa tri thức và đạo đức và càng trải qua nhiều mùa tu gia hạnh, thì cuộc sống chúng ta càng được giải thoát, giác ngộ, đồng thời cũng làm được nhiều việc lợi ích cho xã hội, cho đạo pháp.

Hành trang tốt đẹp đó sẽ nuôi lớn căn lành của chúng ta để đời đời kiếp kiếp được làm quyến thuộc Bồ đề của Phật, của Bồ tát và của Tổ sư. Đó cũng chính là bốn hoài của Đức Phật, của chư vị Bồ tát, của chư vị Tổ sư; vì các Ngài hiện thân trên cuộc đời này chỉ nhằm mục tiêu duy nhất là cứu khổ độ sanh vậy.